

Ngày soạn: 29/8/2024	Dạy	Ngày	12/9/2024
		Tiết	4,5
		Lớp	9D

BÀI 1: THƠ VÀ THƠ SONG THẤT LỤC BÁT(12 tiết)
TUẦN 1 – Tiết 3,4
ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 1: SÔNG NÚI NƯỚC NAM
Thời gian thực hiện: (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.
- Nhận biết được một số yếu tố thi luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) của thơ Đường luật.
- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.

2. Năng lực

Năng lực chung

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực đặc thù

- Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản *Sông núi nước Nam*.
- Nhận biết được một số yếu tố thi luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) của thơ Đường luật của văn bản *Sông núi nước Nam*.
- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.

3. Phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc
- Trách nhiệm học tập để xây dựng đất nước

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án;
- SGK, SGV Ngữ văn 9;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về tác giả, tác phẩm;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT Ngữ văn 9.
- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học...
- Bảng giao nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Sông núi nước Nam*.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi gợi mở vấn đề đối với HS.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS xem video: “Lí Thường Kiệt và trận chiến trên sông Như nguyệt”:

(1) Video trên nhắc đến nhân vật và sự kiện lịch sử nào?

(2) Bài thơ vang lên ở cuối đoạn video là bài thơ nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS hoạt động cá nhân:

(1) Quan sát video tập trung

(2) Suy nghĩ trả lời câu pháp vấn (1) và (2)

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV tổ chức cho HS báo cáo

- HS báo cáo sản phẩm

* Dự kiến sản phẩm:

+ Đoạn video trên nhắc về Lí Thường Kiệt và trận chiến trên sông Như Nguyệt.

+ Cuối đoạn video bài thơ “Nam Quốc Sơn Hà”

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV và HS nhận xét báo cáo

- GV chốt kiến thức/ bổ sung và dẫn dắt vào bài: *Đất nước ta trải qua bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, bao triều đại đi qua là bấy nhiêu triều đại đứng lên đấu tranh chống ngoại xâm giữ nước. Truyền thống ấy đã được phản ánh trong các tác phẩm văn học, đặc biệt là văn học Lí Trần. Văn bản “Sông núi nước Nam” sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về điều đó.*

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Lòng yêu nước là mạch nguồn cảm xúc dạt dào xuyên suốt dòng chảy văn học Việt Nam từ hàng ngàn năm nay. Ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, nội dung yêu nước lại được thể hiện ở những khía cạnh riêng. Bài thơ **Sông núi nước Nam** được xem là bản “Tuyên ngôn Độc lập” đầu tiên của dân Việt Nam. Bài thơ là tiếng nói khẳng định độc lập, chủ quyền và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu giá trị nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm này.*

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (70')

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề thể loại các tác phẩm có trong chủ đề.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến chủ đề *Thơ và thơ song thất lục bát*.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung bài *Thơ và thơ song thất lục bát*.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM										
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: + Xác định chủ đề của bài học. + Nêu tên và thể loại các VB đọc chính. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe câu hỏi, tìm tên các VB trong bài 1. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới. 	<p>I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Giới thiệu bài học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề <i>Thơ và thơ song thất lục bát</i> bao gồm các văn thơ về những tình cảm cao đẹp như tình yêu quê hương đất nước, truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc và tình bạn tri kỉ, gắn bó keo sơn. - Tên và thể loại của các VB đọc chính và VB thực hành đọc hiểu. <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên văn bản</th> <th>Thể loại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sông núi nước Nam</td> <td>Thơ Đường luật</td> </tr> <tr> <td>Khóc Dương Khuê</td> <td>Song thất lục bát</td> </tr> <tr> <td>Phò giá về kinh</td> <td>Thơ Đường luật</td> </tr> <tr> <td>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</td> <td>Song thất lục bát</td> </tr> </tbody> </table>	Tên văn bản	Thể loại	Sông núi nước Nam	Thơ Đường luật	Khóc Dương Khuê	Song thất lục bát	Phò giá về kinh	Thơ Đường luật	Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ	Song thất lục bát
Tên văn bản	Thể loại										
Sông núi nước Nam	Thơ Đường luật										
Khóc Dương Khuê	Song thất lục bát										
Phò giá về kinh	Thơ Đường luật										
Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ	Song thất lục bát										

Hoạt động 2.2: Đọc văn bản

- a. **Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, đặc điểm thơ đường luật thất ngôn tứ tuyệt và đọc văn bản *Sông núi nước Nam*.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại và văn bản *Sông núi nước Nam*.
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Sông núi nước Nam*.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS dựa vào nội dung đã học ở nhà trả lời các câu hỏi: + <i>Trình bày hiểu biết của em về thể thơ Đường luật và thể thơ thất ngôn tứ tuyệt?</i> 	<p>2. Thơ đường luật và thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.</p> <p>a. Khái niệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thơ đường luật Thơ đường luật hay còn gọi là thơ cận thể hay thơ cách luật. Là một loại thơ làm theo luật thơ được đặt ra từ thời nhà

<p>+ Trình bày bằng sơ đồ về cách gieo vần của thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt?</p> <p>- Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</p> <p>- GV mời HS đứng dậy trả lời câu hỏi yêu cầu các bạn khác nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>- GV nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>=> GV bổ sung: Đường luật là thể thơ rất nổi tiếng trong văn học Trung Quốc, có từ thời Đường (618 – 907), sau đó du nhập sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản. Ở Việt Nam, trên cơ sở của thơ Đường luật và thơ ca truyền thống, cha ông ta đã sáng tạo ra thể thơ Nôm Đường luật mang bản sắc dân tộc. Sang thời hiện đại, thơ Đường luật còn được viết bằng chữ Quốc ngữ. Thơ Đường luật thường được viết bằng hai thể thất ngôn (mỗi câu bảy chữ) và ngũ ngôn (mỗi câu năm chữ). Có hai dạng thơ phổ biến: bát cú (mỗi bài tám câu) và tứ tuyệt (mỗi bài bốn câu). Thơ Đường luật là thể thơ Đường cách luật xuất hiện từ thời nhà Đường ở Trung Quốc. Thơ Đường luật có một hệ thống quy tắc phức tạp được thể hiện ở 5 điều sau: Luật, Niêm, Vần, Đối và Bố cục. Về hình thức, thơ Đường luật có các dạng "thất ngôn bát cú" (tám câu, mỗi câu bảy chữ) được xem là dạng chuẩn; biến thể có các dạng: "thất ngôn tứ tuyệt" (bốn câu, mỗi câu bảy chữ), "ngũ ngôn tứ tuyệt" (bốn câu, mỗi câu năm chữ), "ngũ ngôn bát cú" (tám câu, mỗi câu năm chữ) cũng như các dạng ít phổ biến khác.</p>	<p>Đường bao gồm có 3 loại: thơ bát cú (mỗi bài 8 câu), thơ tứ tuyệt (mỗi bài 4 câu), thơ bài luật (dạng kéo dài của thơ Đường luật). Trong đó điển hình nhất là thơ thất ngôn bát cú.</p> <p>+ Ngôn ngữ thơ đường luật rất cô đọng, hàm súc. Bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình. Ý thơ gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn....</p> <p>- Thơ thất ngôn tứ tuyệt Là thể thơ mỗi bài có 4 câu và mỗi câu gồm có 7 chữ. Trong đó các câu 1,2,4 hoặc chỉ có câu 2,4 hiệp vần với nhau ở chữ cuối.</p> <p>+ Bố cục: 4 phần</p> <ul style="list-style-type: none"> • Câu 1: Hay còn gọi là câu khai mở ý bài thơ. • Câu 2: Câu thừa thường làm rõ thêm ý và mạch cảm xúc của phần khai. • Câu 3: Chuyên. • Câu 4: Kết ý. <p>+ Về luật: Luật thơ là cách sắp đặt tiếng bằng, tiếng trắc trong các câu của một bài thơ. Luật bằng trắc thường được tóm tắt bằng câu: “nhất - tam - ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh” nghĩa là tiếng thứ nhất thứ ba, thứ năm trong câu không cần sắp xếp theo đúng luật bằng trắc, còn tiếng thứ hai thứ tư và thứ sáu trong câu cần thể hiện luật bằng trắc rõ ràng.</p> <p>+ Về niêm: Thất ngôn tứ tuyệt quy định câu 1 niêm với câu 4 và câu 2 niêm với câu 3.</p> <p>+ Về vần: Cách gieo vần của thơ đường luật là cả bài thơ chỉ hiệp theo một vần. Vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn, vần được sử dụng thường là vần bằng.</p>
---	---

Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV đặt câu hỏi yêu cầu HS chia nhóm để trả lời câu hỏi:

(1) *Đọc văn bản đúng theo hướng dẫn.*

Nhóm 1: *Trình bày hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm Sông núi nước Nam?*

Nhóm 2: *Xác định bố cục bài thơ?*

Nhóm 3: *Xác định chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài thơ?*

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS đọc thông tin trong SGK chuẩn bị trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.

- GV mời các nhóm HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

+ GV bổ sung:

Hoàn cảnh ra đời của bài thơ " SÔNG NÚI NƯỚC NAM - NAM QUỐC SƠN HÀ"

+ Nhịp: Cách ngắt nhịp của các câu thơ thường là 2/2/3 hoặc 4/3 đối với thất ngôn.

+ Về đối: Cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. Thơ tứ tuyệt không có quy định khắt khe và cụ thể như thơ thất ngôn bát cú.

b. Sơ đồ cách gieo vần, niêm luật của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.

1	2	3	4	5	6	7
	T		B		T	Vần
	B		T		B	Vần
	B		T		B	
	T		B		T	Vần

3. Đọc văn bản

a. Hoàn cảnh sáng tác

+ Bài thơ hiện chưa rõ tác giả được ghi chép trong sách Lĩnh Nam chích quái (Lựa chọn những chuyện quái lạ ở Lĩnh Nam cuối thế kỉ XIV), ghi việc Lê Đại Hành năm 981 trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược đã được hai vị thần sông Như Nguyệt (Sông Cầu) là hai anh hùng dân tộc Trương Hồng, Trương Hát hiển linh phù trợ, ngâm bài thơ giữa không trung khiến quân giặc tan vỡ.

+ Sách Việt điện u linh tập sau này được Đại Việt sử kí toàn thư chép lại, ghi việc Lý Thường Kiệt năm 1076 khi lập phòng tuyến sông Như Nguyệt chống lại quân Tống, một đêm quân sĩ nghe thấy trong đền tiếng thần ngâm thơ. Quả nhiên quân Tống thảm bại đúng như lời bài thơ.

+ Người xưa gọi đây là bài thơ Thần. Bài thơ vốn không có nhan đề thời hiện đại một số sách ghi tên tác giả là Lý Thường Kiệt và đặt tên bài thơ là Nam quốc sơn hà.

Cuối năm 1076, nhà Tống ồ ạt đưa quân sang xâm lược nước ta. Quân đội Đại Việt lúc bấy giờ do Lý Thường Kiệt chỉ huy, tuy đã chủ động chuẩn bị đối phó từ trước nhưng vẫn chông cự một cách rất khó khăn. Giặc tràn xuống bờ bắc sông Cầu và đội quân tiên phong của chúng đã bước đầu chọc thủng được phòng tuyến Như Nguyệt. Phòng tuyến vỡ, tình thế hết sức cấp bách. Quân giặc sĩ khí dâng cao còn tinh thần của quân sĩ ta bị tan vỡ. Muốn giành lại được thế chủ động, trước phải đập tan đội quân tiên phong của giặc, mà muốn đập tan đội quân tiên phong này, phải tìm cách lấy lại và kích động mạnh mẽ tinh thần của quân sĩ. Nhận rõ điều đó, Lý Thường Kiệt đã bí mật đang đêm cho người vào đền thờ Trương Hát ở ngay bên bờ sông Cầu, đọc to bài thơ không đề sau đây:

Nam quốc sơn hà nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Dịch nghĩa:

Sông núi nước nam, vua Nam ở,
Rành rành ghi rõ ở sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.

Binh sĩ nghe bài thơ, tinh thần phấn chấn hẳn lên, ai ai cũng cố sức đánh giặc. Đội quân tiên phong của quân Tống bị đập tan, phòng tuyến sông Cầu cũng nhanh chóng được hàn lại. Giặc từ đó bị giam chân ở bờ bắc sông Cầu, tiến thoái lưỡng nan. Đến đầu năm 1077, Lý Thường Kiệt mở trận quyết chiến lược ở Như Nguyệt, đánh cho quân giặc tan tành.

Ấy là bài thơ không đề, nhưng vì câu mở đầu là phiên âm Hán - Việt là Nam quốc sơn hà nam đế cư nên người đời thường gọi đó là bài Nam quốc sơn hà. Hậu thế

+ Gọi là bài thơ Thần vì: Bài thơ không rõ ai sáng tác nhưng lại được ngâm trong đền và tiên đoán trước được kết cục thảm bại của quân địch.

b. Bố cục bài thơ

Bài thơ được chia làm 2 phần chính:

+ Phần 1: 2 câu đầu: Giới thiệu về độc lập chủ quyền và khẳng định tính tất yếu không thể thay đổi của chủ quyền đất nước.

+ Phần 2: 2 câu cuối: Cảnh cáo quân giặc sang xâm lược và khẳng định kết cục không tốt đẹp của quân giặc khi xâm lược lãnh thổ nước Nam.

c. Cảm hứng chủ đạo và chủ đề tác phẩm

- Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm: là tình cảm yêu nước mãnh liệt lòng tự tôn dân tộc sâu sắc và ý thức chủ quyền của dân tộc.

- Chủ đề tác phẩm: thể hiện chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ xâm lược.

<p>coi bài thơ này của Lý Thường Kiệt có giá trị như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước nhà. Khẳng định hùng hồn về độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam chúng ta.</p> <p>Bài thơ Nam Quốc Sơn Hà chưa rõ tác giả là ai và có nhiều lời kể về sự ra đời của bài thơ, trong đó truyền thuyết được nhiều người tin tưởng nhất kể như sau: Năm 1077, quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy xâm lược nước ta. Vua Lí Nhân Tông sai Lí Thường Kiệt đem quân chặn giặc ở phòng tuyến sông Như Nguyệt, bỗng một đêm, quân sĩ nghe từ trong đền thờ hai anh em Trương Hồng và Trương Hát có tiếng ngâm bài thơ này.</p> <p>=> GV chuyển ý: Thông qua hoạt động trên, ta đã cơ bản thấy được hoàn cảnh và mục đích bài thơ ra đời. Vậy những đặc điểm nào trong bài thơ “Nam quốc Sơn Hà” mang đặc trưng của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt. Ta cùng bước sang hoạt động tiếp theo...</p>	
---	--

2.3 Hoạt động 3: Tìm hiểu chi tiết về văn bản

- a. Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được văn bản *Sông núi nước Nam*.
- b. Nội dung:** Sử dụng SGK chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Sông núi nước Nam*.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Sông núi nước Nam*.
- d. Tổ chức thực hiện**

<p>* Nhiệm vụ 1: HDHS tìm hiểu một số đặc trưng của thể thơ song thất lục bát được thể hiện trong văn bản</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm hoàn thành PHT sau:</p> <p>(1) Văn bản thuộc thể thơ nào?</p> <p>(2) Dấu hiệu nhận biết nào cho em biết thể thơ đó?</p> <p>(3) Chỉ ra biểu hiện niêm, vần, đối, nhịp của bài thơ?</p>	<p>II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN</p> <p>1. Một số đặc trưng của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt thể hiện trong văn bản.</p> <p>- Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.</p> <p>- Dấu hiệu nhận biết:</p> <p>+ Số câu: 4</p> <p>+ Số chữ trong 1 câu: 7</p> <p>- Niêm: chữ thứ 2 trong câu một là “bằng” niêm với chữ thứ 2 của câu 4 cũng là “bằng”, chữ thứ 2 của câu 2 là</p>
--	---

<p>(4) Nhận xét về đặc điểm thi luật của bài thơ?</p> <p>(5) “Sông núi nước Nam” được coi là Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc vì đã khẳng định những điều gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận - GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 7 phút <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động nhóm cặp <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm. - HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. - Nhóm khác chú ý lắng nghe. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau - GV nhận xét, đánh giá <p>=> GV bổ sung, chuyển ý:</p> <p>Nam quốc sơn hà / Nam đế cu,</p> <p style="padding-left: 40px;">B T B B B T B</p> <p>Tiết nhiên định phận / tại thiên thur</p> <p style="padding-left: 40px;">T B T T T B B</p> <p>Như hà nghịch lỗ / lai xâm phạm,</p> <p style="padding-left: 40px;">B B T T B B T</p> <p>Nhữ đẳng hành kha / thủ bại hur.</p> <p style="padding-left: 40px;">T T B B T T B</p> <p>Từ những đặc điểm trên bài thơ mang đầy đủ đặc trưng của thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. Hơn thế nữa, văn bản này còn được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc, mang hai nội dung lớn: khẳng định độc lập dân tộc và ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập đó. Vậy những khẳng định đó được thể hiện như thế nào? Ta cùng bước sang hoạt động tiếp theo...</p>	<p>“trắc” niêm với chữ thứ 2 của câu 3 cũng là “trắc”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1,2 và 4 (<i>cu- thur- hur</i>). - Đôi: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú. - Nhịp: 4/3 <p>=> Bài thơ tuân thủ quy định về niêm, vần, đối, nhịp của một bài thơ Thất ngôn tứ tuyệt luật bằng vần bằng theo luật Đường.</p> <p>=> “Sông núi nước Nam” có thể coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc, mang hai nội dung lớn: khẳng định độc lập dân tộc và ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập đó.</p>
---	---

<p>* Nhiệm vụ 2: HDHS tìm hiểu lời khẳng định độc lập dân tộc</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập .</p>	<p>2. Cơ sở khẳng định độc lập chủ quyền</p> <p>a. Khẳng định nền độc lập dân tộc</p> <p>* Có chủ quyền riêng</p>
--	--

<p>GV yêu cầu HS đọc 2 dòng thơ đầu và trả lời câu hỏi sau:</p> <p>(1) Trong 2 dòng đầu muốn khẳng định điều gì?</p> <p>(2) Em hiểu nghĩa của các từ “Nam quốc”, “Nam đế”, “tiết nhiên”, “định phận”, “thiên thu” là gì? Các từ trên đóng vai trò như thế nào trong 2 dòng thơ đầu?</p> <p>(3) Trong phần dịch thơ dịch “vua Nam ở” sẽ khiến cho ý thơ thay đổi ra sao? Việc sử dụng chữ “đế” có tác dụng gì?</p> <p>(3) Căn cứ vào đâu tác giả khẳng định cương vực lãnh thổ nước ta? Tại sao?</p> <p>(4) Từ 2 dòng thơ đầu, em có nhận xét gì về tác giả bài thơ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm trong thời gian 10 phút <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs làm việc theo nhóm đọc lại văn bản theo yêu cầu suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm. - HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. - Nhóm khác chú ý lắng nghe. - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá <p>=> GV bổ sung, chuyển ý: Hai câu đầu khẳng định độc lập dân tộc trên cơ sở cương vực lãnh thổ và chủ quyền của nước Nam. Trước hết về chủ quyền, Đại Việt là đất nước có chủ quyền riêng, điều này được thể hiện rõ qua cụm từ “Nam đế cư”. Trong phần dịch thơ được dịch là “vua Nam ở”. Ở đây chúng ta cần có sự phân biệt rạch ròi giữa đế và vua, vì đây là hai khái niệm rất khác nhau. Đế là duy nhất, toàn quyền, có quyền lực cao nhất; Vua thì có nhiều, phụ thuộc vào đế, quyền lực xếp sau đế. Bởi vậy, khi sử dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - “Nam quốc”: nước Nam - “son hà”: sông núi - “Nam đế cư” – “vua nước Nam” + “vua”: có nhiều, phụ thuộc và đế, quyền lực xếp sau đế. + “đế”: duy nhất, chỉ có 1, toàn quyền, có quyền lực cao nhất. <p>=> Khẳng định mạnh mẽ quyền của vua Nam với nước Nam sánh ngang hàng với Bắc đế.</p> <p>=> Độc lập và không phụ thuộc vào Bắc đế</p> <p>* Có cương vực lãnh thổ riêng</p> <ul style="list-style-type: none"> - “tiết nhiên”: Điều tất nhiên, dĩ nhiên, sẵn có... - “định phận”: địa phận, lãnh thổ đã được phân định rõ ràng - “thiên thu”: sách trời <p>=> Ghi nhận cương vực, lãnh thổ của nước Nam đã được trời đất phân định rõ ràng.</p> <p>=> Hai câu đầu khẳng định độc lập dân tộc trên cơ sở cương vực lãnh thổ và chủ quyền của nước Nam.</p>
---	--

<p>chữ đế trong bài đã khẳng định mạnh mẽ quyền của vua Nam với nước Nam, đồng thời khi sử dụng “Nam đế” thì mới sánh ngang hàng với “Bắc đế”, độc lập và không phụ thuộc vào Bắc đế. Về cương vực lãnh thổ, nước ta có cương vực riêng đã được quy định ở sách trời. Căn cứ vào thiên thư nước ta nằm ở phía nam núi Ngũ Lĩnh thuộc địa phận sao Dực và sao Chân. Dựa vào sách trời để khẳng định chủ quyền của đất nước rất phù hợp với tâm lí, niềm tin của con người ngày xưa (tin vào số phận, mệnh trời) bởi vậy càng có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn. Đồng thời sách trời ở đây cũng tương ứng với chân lí khách quan, qua đó tác giả cũng ngầm khẳng định sự độc lập của đất nước ta là chân lí khách quan chứ không phải ý muốn chủ quan.</p>	
---	--

<p>* Nhiệm vụ 3 HDHS tìm hiểu sự quyết tâm bảo vệ dân tộc được khẳng định trong bài thơ Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập .</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: (1) Câu “Như hà...” là kiểu câu gì? Mục đích sử dụng kiểu câu này là gì? (2) Em hiểu từ “nghịch lỗ”, “thủ bại hư” dùng để chỉ điều gì? (3) Nhận xét về giọng thơ trong 2 dòng thơ này? (4) Hai dòng thơ cuối muốn khẳng định thái độ và cảm xúc gì? <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận - GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 10 phút <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động nhóm theo yêu cầu suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm. - HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. - Nhóm khác chú ý lắng nghe. - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.</p>	<p>b. Khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Như hà...”: câu hỏi tu từ => Khẳng định - “nghịch lỗ”: làm điều trái lại ý trời (chỉ quân Tống), phi nghĩa, ngược lại chân lí khách quan. - “thủ bại hư”: chuốc lấy, nhận lấy thất bại. => Hành động của quân Tống là phi nghĩa, không thể chấp nhận, là vi phạm lại ý trời. => Giọng điệu đồng dục, hùng hồn, đanh thép. => Thể hiện quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. Đồng thời rắn đe, cảnh báo trước kẻ xâm lược nếu cố tình xâm phạm sẽ chuốc lấy bại vong.
---	--

<p>- GV nhận xét, đánh giá => GV bổ sung, chuyển ý: Với lời khẳng định đó, hai câu thơ sau tiếp tục khẳng định quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ dân tộc. Câu hỏi tu từ “Nhu hà nghịch lỗ lai xâm phạm?” giống như một lời răn đe, cảnh cáo cho những kẻ xâm lược đi xâm lược lãnh thổ là đang làm trái ý trời. Và từ đó, câu thơ cuối cùng vang lên đầy đanh thép. Những kẻ đi xâm lược, cướp nước của dân tộc khác sẽ không có được kết thúc tốt đẹp. Giọng thơ đồng dục, hùng hồn, đanh thép nhằm thể hiện quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. Câu thơ cuối là một lời khẳng định và cảnh cáo về số phận của những kẻ làm việc sai trái, nhưng đồng thời còn thể hiện sự tự tin vào sức mạnh của dân tộc ta, thể hiện niềm tin vào chiến thắng tất yếu của phe chính nghĩa.</p>	
--	--

<p>* HDHS tìm hiểu sự thống nhất trong ý thơ Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập . - GV yêu cầu HS: (1) Theo em, hai dòng thơ đầu và 2 dòng thơ cuối có mối liên hệ như thế nào? (2) Bài thơ gợi lên trong em những tình cảm, cảm xúc gì? (3) Theo em, nội dung tư tưởng bài thơ có ý nghĩa như thế nào với thế hệ trẻ ngày nay? - HS tiếp nhận - GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 10 phút Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập. - Hs làm việc theo nhóm theo yêu cầu suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ. - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.</p>	<p>c. Mối liên hệ, ý nghĩa và bài học - Hai dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối có mối quan hệ gắn kết, bổ sung cho nhau. + Hai dòng đầu là lời khẳng định chủ quyền của đất nước. + Hai dòng cuối là quyết tâm bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của dân tộc. - Bài <i>Sóng núi nước Nam</i> gợi lên trong em niềm tự hào, lòng yêu nước và ý chí quyết tâm bảo vệ giữ gìn vẻ đẹp và truyền thống quý báu của dân tộc. - Nội dung bài thơ có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với thế hệ trẻ ngày nay. Bài thơ là lời nhắc nhở, động viên thế hệ trẻ phải luôn cố gắng phấn đấu, tự hào, mạnh mẽ giữ gìn bản sắc truyền thống văn hóa của dân tộc, xứng đáng với những gì mà thế hệ cha anh đã đổ cả xương máu để giữ gìn và bảo vệ.</p>
--	--

<ul style="list-style-type: none"> - HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. - Nhóm khác chú ý lắng nghe. - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá 	
---	--

III. TỔNG KẾT

<p>* HDHS tổng kết kiến thức</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và rút ra kỹ năng đọc hiểu thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt <p>Bước 2: Thực hiện NV</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận - GV tổ chức cho HS làm việc trong thời gian 5 phút - HS hoạt động nhóm <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm. - HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm. - Nhóm khác chú ý lắng nghe. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá chốt KT và chuyển ý 	<p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn và sắc sảo. - Câu hỏi tu từ, giọng thơ đanh thép, hào hùng và mạnh mẽ. - Hình ảnh mang tính biểu tượng cao “Nam quốc sơn hà”. <p>2. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ xứng đáng là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta. - Ngợi ca lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc. - Thể hiện ý chí, sức mạnh và tinh thần đoàn kết của dân tộc VN. <p>3. Kỹ năng đọc hiểu thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết bài thơ được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hay chữ quốc ngữ, viết theo thể thơ nào. - Tìm hiểu chủ đề, bố cục và mối quan hệ giữa các câu thơ trong bài. - Tìm hiểu không gian, thời gian và BPNT đặc sắc được tác giả sử dụng.
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10')

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Sông núi nước Nam* đã học.
 - b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi liên quan.
 - c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời HS chọn.
 - d. Tổ chức thực hiện**
- Nhiệm 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm**
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**
GV phát Phiếu bài tập cho HS thực hiện nhanh tại lớp.

Trường THCS:.....

Lớp:.....

Họ và tên:.....

PHIẾU BÀI TẬP
VĂN BẢN SÔNG NÚI NƯỚC NAM

Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Sông núi nước Nam được coi là bản tuyên ngôn độc lập vì đã thể hiện được nội dung nào?

- A. Khẳng định được truyền thống đấu tranh chống xâm lược hàng ngàn năm của dân tộc.
- B. Thể hiện được niềm tự hào dân tộc.
- C. Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước.
- D. Khẳng định chủ quyền và ý chí quyết tâm bảo vệ lãnh thổ của đất nước.

Câu 2: Giọng điệu của bài thơ là gì?

- A. Dõng dạc, đanh thép.
- B. Nhẹ nhàng, tha thiết.
- C. Sâu lắng, tình cảm.
- D. Bi thiết, trầm buồn.

Câu 3: Ai là tác giả của Sông núi nước Nam?

- A. Chưa rõ tên tác giả.
- B. Lý Thường Kiệt.
- C. Nguyễn Trãi.
- D. Nguyễn Du.

Câu 4: Thể thơ tác giả dùng để viết Sông núi nước Nam là gì?

- A. Song thất lục bát.
- B. Thất ngôn tứ tuyệt.
- C. Thất ngôn bát cú.
- D. Ngũ ngôn tứ tuyệt.

Câu 5: Tuyên ngôn độc lập của một quốc gia có thể hiểu là:

- A. Là lời khẳng định về bờ cõi quốc gia.
- B. Là lời tuyên bố về sự độc lập, không phụ thuộc một quốc gia nào khác.
- C. Là lời tuyên bố về chủ quyền của đất nước và khẳng định không một thế lực nào được phép xâm phạm.
- D. Là sự khẳng định sức mạnh quân sự, kinh tế, văn hóa của một quốc gia.

Câu 6: Bài thơ được ra đời trong cuộc kháng chiến nào?

- A. Ngô Quyền đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.
- B. Lý Thường Kiệt chống quân Tống trên sông Như Nguyệt.
- C. Trần Quang Khải chống giặc Mông- Nguyên ở bến Chương Dương.
- D. Quang Trung đại phá quân Thanh.

Câu 7: Sông núi nước nam được mệnh danh là?

- A. Áng thiên cổ hùng văn.

- B. Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.
 C. Bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta.
 D. Bài thơ có một không hai.

Câu 8: Chiến thắng quân Tống ở trên sông nào?

- A. Sông Đà.
 B. Sông Hồng.
 C. Sông Kì Cùng.
 D. Sông Như Nguyệt.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Sông núi nước Nam* hoàn thành Phiếu bài tập.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc đáp án trước lớp theo Phiếu bài tập.

- GV mời một số HS khác đọc đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn đáp án:

1. D	2. A	3. A	4. B	5. C
6. B	7. B	8. D		

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới

Nhiệm vụ 2: Luyện tập theo văn bản

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn làm bài vào vở, cho HS luyện tập theo những nhiệm vụ cụ thể sau
*Theo em nội dung tư tưởng bài thơ có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ ngày nay?
 Viết trong khoảng 7-10 dòng.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài luyện tập vào vở.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện một số HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Câu 1:

Tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc của mỗi con người Việt Nam không cần phải trau dồi, không cần phải trải qua quá trình học tập mới thành mà đó là truyền thống là “bản năng” sinh ra đã có. Dân tộc ta có chiều dài lịch sử bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, trong suốt dòng lịch sử đó chúng ta đã nhiều lần đứng lên chống lại ách thống trị của xâm lược phương Bắc. Bài thơ Thần Sông núi nước Nam ra đời được xem là một trong những bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc. Không chỉ có ý nghĩa thời điểm mà còn mang giá trị “thời sự”. Ở bất kì một thời kì nào và ngay cả hiện tại cho đến mãi về sau, giá trị của bài thơ vẫn còn vẹn nguyên. Chúng ta có thể

mất tất cả nhưng không bao giờ làm mất đi chủ quyền và niềm tự tôn dân tộc. Đối với con người Việt Nam mỗi tấc đất chủ quyền của dân tộc chính là máu xương của cha ông mà tuyệt đối chúng ta không thể đánh mất. Ngày nay, khi đất nước sạch bóng quân thù, mỗi con người thế hệ trẻ chúng ta cần rèn luyện đạo đức, trau dồi tri thức để đưa Việt Nam sánh ngang với các cường quốc năm châu như lời Bác Hồ kính yêu đã nói.

.- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(5')

a. Mục tiêu: HS nâng cao, mở rộng kiến thức.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS làm bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Phân tích bài thơ Sông núi nước Nam để thấy rõ được đây là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân tại nhà

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận(buổi học sau)

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức:

- GV theo dõi, giúp đỡ HS: Dẫn ý:

I. Mở bài: Giới thiệu đôi nét về bài thơ Sông núi nước Nam.

II. Thân bài

1. Lời khẳng định chủ quyền lãnh thổ của quốc gia, dân tộc

- Câu thơ 1: Nam quốc sơn hà Nam đế cư (Sông núi nước Nam vua Nam ở)

+ Trong quan niệm của xã hội xưa: toàn bộ diện tích lãnh thổ, của cải vật chất, con người của một đất nước đều thuộc về nhà vua. Người có quyền quyết định tất cả mọi thứ, thậm chí cả quyền sinh sát.

+ “Nam đế”: hoàng đế nước Nam, người đứng đầu của một quốc gia - thể hiện sự ngang hàng với phương Bắc.

- Câu thơ 2: Tiệt nhiên định phận tại thiên thư (Vành vạch sách trời chia xứ sở)

+ “Thiên thư”: sách trời - Lãnh thổ, địa phận của đất nước đã được ghi tại sách trời.

+ Điều này khẳng định chủ quyền lãnh thổ của dân tộc ta là một chân lý không thể chối cãi và thay đổi được.

=> Một lời khẳng định đanh thép, bản lĩnh.

2. Sự quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của quốc gia, dân tộc

- Câu thơ 3: Như hà nghịch lỗ xâm phạm (Giặc giữ cố sao xâm phạm đến đây?)

+ Câu hỏi tu từ: “như hà” - “cố sao?” nhằm khẳng định lại chủ quyền dân tộc.

+ “nghịch lỗ”: khẳng định những kẻ xâm lược đi xâm lược lãnh thổ là đang làm trái ý trời.

- Câu thơ 4: Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư (Chúng mày nhất định phải tan vỡ): Những kẻ đi xâm lược, cướp nước của dân tộc khác sẽ không có được kết thúc tốt đẹp.

=> Một lần nữa khẳng định quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

III. Kết bài: Đánh giá về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.
- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.
- Nhóm khác chú ý lắng nghe.
- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau
- GV nhận xét, đánh giá.

***Hướng dẫn chuẩn bị bài sau: Văn bản 2. Khóc Dương Khuê**

(1) Tìm hiểu phần Kiến thức ngữ văn về đặc điểm của thể thơ song thất lục bát để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

(2) Đọc trước văn bản để tìm hiểu giọng đọc, nhịp điệu dòng thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm. ...đồng thời lưu ý các lệnh/ câu hỏi ở bên phải văn bản.

(3) Chú ý xem bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát? Xác định đề tài, chủ đề và bố cục của bài thơ.

(4) Tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Nguyễn Khuyến và nhà thơ Dương Khuê (1839 – 1902).

Ngày soạn: 29/8/2024	Dạy	Ngày	18/9/2024
		Tiết	4,5
		Lớp	9D

**TUẦN 2 - TIẾT 5,6: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU
KHỐC DƯƠNG KHUÊ
(Nguyễn Khuyến)
Thời gian thực hiện: 2 tiết**

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận diện được thể loại của văn bản.
- Nhận diện và phân tích được các nét khái quát về tác giả Nguyễn Khuyến.
- Xác định và phân tích được bố cục của văn bản.
- Tìm hiểu một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ
- Tìm hiểu nỗi niềm, tâm trạng của nhân vật trữ tình (NK) qua âm hưởng da diết của bài thơ song thất lục bát.
- Tìm hiểu một số nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm
- Viết bài văn phân tích được tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày, suy nghĩ, cảm nhận cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các tác phẩm có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất

- HS rèn luyện thái độ trân trọng tình cảm bạn bè trong sáng, cao đẹp.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBD.
- Sách giáo khoa, phiếu học tập
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp, ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS

- SGK, SBT Ngữ văn 9 Cánh diều.
- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a. *Mục tiêu:* Tạo không khí hào hứng; kiểm tra việc chuẩn bị bài, tạo kiến thức nền về thể thơ song thất lục bát để HS bước đầu tiếp cận cách đọc hiểu văn bản Khóc Dương Khuê và kết nối vào bài học.

b. *Nội dung:* GV sử dụng PPDH trực quan, KT tổ chức trò chơi để HS tham gia trả lời các câu hỏi liên quan đến thể thơ Song thất lục bát.

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao NV

- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi “Giải ô chữ bí mật”

+ Có 8 hàng ngang, mỗi hàng ngang là 1 từ, mỗi từ có một hoặc một số chữ cái nằm trong từ khóa.

+ HS được tham gia trò chơi bằng hình thức quay tên ngẫu nhiên, mỗi HS sẽ được trả lời một câu hỏi có liên quan đến Kiến thức Ngữ văn trong bài học.

+ Bắt đầu từ hàng ngang số 5, HS được quyền đoán ô chữ bí mật bằng cách bấm chuông (hoặc giơ tay)

+ HS giải đúng ô chữ bí mật và nêu được thông tin từ ô chữ đó theo yêu cầu của GV sẽ nhận được một phần thưởng.

Bước 2: thực hiện NV

- HS nghe hướng dẫn luật chơi và chuẩn bị tham gia trò chơi.

- GV tổ chức trò chơi và xử lý tình huống phát sinh

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.

- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV tổng kết trò chơi, khen thưởng HS giải được ô chữ bí mật và dẫn dắt vào bài học.

(Ví dụ: Thật tuyệt vời khi tất cả các ô chữ hàng ngang đều được mở ra với những chữ cái để bạn A đã tìm ra ô chữ bí mật – đó chính là tên một nhà thơ được mệnh danh là “nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” - tác giả của bài thơ “Khóc Dương Khuê” mà chúng ta sẽ tìm hiểu ngay trong bài học hôm nay.)

HỆ THỐNG CÂU HỎI

* Câu hỏi ô chữ hàng ngang: 8 câu hỏi

Câu 1. Ô chữ thứ nhất gồm 8 chữ cái.

Điền từ ngữ vào dấu ba chấm để hoàn thành khái niệm sau: "Song thất lục bát là thể thơ kết hợp giữa thơ thất ngôn và thơ (...)"

Đáp án: LỤC BÁT (U)

(GV bổ sung: thể thơ song thất lục bát, một thể thơ được coi là thuần túy dân tộc, kết hợp giữa thể lục bát (đã được học ở lớp 6) và thể song thất (các câu thất đã được làm quen trong thơ thất ngôn Đường luật)

Câu 2. Ô chữ thứ hai gồm 7 chữ cái.

Mỗi khổ thơ song thất lục bát gồm mấy dòng thơ?

Đáp án: BỐN DÒNG (N, G)

(GV bổ sung: mỗi khổ gồm bốn dòng thơ: bắt đầu bằng một cặp thất ngôn, tiếp theo là cặp lục bát (đôi khi cặp lục bát xếp trước), tạo thành một kết cấu trọn vẹn về ý cũng như về âm thanh, nhạc điệu.)

Câu 3. Ô chữ thứ ba gồm 7 chữ cái.

Điền dấu ba chấm để hoàn thành cách gieo vần của thể thơ Song thất lục bát: “*Mỗi khổ thơ có hai vần trắc và năm vần bằng; dòng sáu chỉ có (...), ba dòng kia vừa có vần chân vừa có vần lưng*”

Đáp án: VẦN CHÂN (N)

Câu 4. Ô chữ thứ tư gồm 13 chữ cái.

Trong bài thơ song thất lục bát, các dòng bảy có thể ngắt nhịp 3/4 hoặc 3/2/2, còn hai dòng sáu – tám ngắt nhịp theo thể thơ nào?

Đáp án: THÊ THỂ LUC BÁT (H,U,Ê)

Câu 5. Ô chữ thứ năm gồm 8 chữ cái.

Trong bài thơ song thất lục bát, nếu cặp lục bát thiên về cảm thán, giải bày thì cặp thất ngôn sẽ làm nhiệm vụ nào?

Đáp án: KÊ SỰ VIỆC (K,Ê)

Câu 6. Ô chữ thứ sáu gồm 8 chữ cái.

Song thất lục bát là thể thơ kết hợp được nhiều vẻ đẹp của tiếng Việt, dồi dào nhạc điệu. Cho biết âm điệu nổi bật ở thể thơ này là gì?

Đáp án: NHỚ THƯƠNG (N)

(GV có thể nói thêm: Trong văn học trung đại, thể song thất lục bát thiên về việc diễn tả đời sống nội tâm nhân vật với cảm hứng trữ tình bi thương, có khả năng biểu lộ một cách tinh tế những dòng cảm xúc dồn nén với tâm trạng nhớ tiếc và mong đợi. Đây là thể thơ kết hợp được nhiều vẻ đẹp của tiếng Việt, dồi dào nhạc điệu, trong đó nổi bật ở âm điệu nhớ thương triền miên, phù hợp để ngâm ngợi.)

Câu 7. Ô chữ thứ bảy gồm 10 chữ cái

Cho biết tên tác phẩm truyện thơ Nôm được coi là một trong những thành tựu rực rỡ của văn học chữ Nôm?

Đáp án: TRUYÊN KIÊU (Y)

Câu 8. Ô chữ thứ tám gồm 10 chữ cái

Điền từ ngữ vào dấu ba chấm để hoàn thành thông tin sau: “*Chữ Quốc ngữ là chữ viết ghi âm của tiếng Việt được các nhà (...), với sự hỗ trợ của nhiều người Việt Nam, chế tác từ thế kỉ XVII dựa trên hệ chữ cái La-tinh*”

Đáp án: TRUYÊN GIÁO (Y)

* Ô chữ bí mật: NGUYÊN KHUYÊN

(Câu hỏi gợi ý: Ông được mệnh danh là “nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”)

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các đặc điểm của thể thơ song thất lục bát trong bài thơ *Khóc Dương Khuê* (bố cục, số tiếng, số dòng, vần, nhịp,...)

- Phát hiện và phân tích được tác dụng của giọng điệu được thể hiện trong bài thơ, sự kết hợp giữa nghệ thuật kể chuyện và cách thức thể hiện tình cảm; sử dụng ngôn từ, sử dụng các thủ pháp nghệ thuật như: nói giảm - nói tránh, dùng từ láy, từ ghép, cách xưng hô, lời cảm thán,...

- Hiểu được tâm trạng bàng hoàng, nỗi cô đơn, đau đớn và xót thương của tác giả trước sự ra đi mãi mãi của người bạn tri kỉ; Cảm nhận được tình bạn nồng thắm, sâu sắc trong bài thơ, từ đó biết trân trọng và giữ gìn tình bạn đẹp trong cuộc sống.

- Hình thành kĩ năng đọc hiểu bài thơ song thất lục bát.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH theo nhóm, dạy học hợp tác, nêu vấn đề và kĩ thuật động não, thuyết trình, đặt câu hỏi đề hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS về một số đặc điểm của thể thơ song thất lục bát.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
<p>I. Đọc và tìm hiểu chung * HD1: GV kiểm tra việc chuẩn bị đọc hiểu ở nhà của HS</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV - GV nêu yêu cầu: <i>Hãy trình bày những thông tin cơ bản về: cuộc đời, sự nghiệp, đề tài, phong cách sáng tác của tác giả Nguyễn Khuyến.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện NV - HS đọc lập chuẩn bị theo nội dung đã chuẩn bị ở nhà. - GV gọi 2 – 3 HS chia sẻ thông tin trước lớp, HS khác lắng nghe, đối chiếu với phần chuẩn bị của mình để nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm. - HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV tổng hợp, đánh giá, chốt kiến thức, chiếu chân dung Nguyễn Khuyến và mở rộng thông tin về tác giả: + Nguyễn Khuyến là một người tài năng, yêu nước thương dân, bên cạnh đó ông cũng là một nhà thơ Nôm xuất sắc, nhà thơ của làng cảnh Việt Nam. Thơ của Nguyễn Khuyến luôn giàu cảm xúc với thiên nhiên, với con người và với quê hương. + Nội dung thơ văn của ông thể hiện tấm lòng yêu nước sâu đậm, thiết tha, đồng thời thể hiện rõ thái độ chống đối thực dân Pháp. Và bên cạnh đó, tình yêu với thiên nhiên, đất nước, tình</p>	<p>I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nguyễn Khuyến (1835-1909), quê ở Hà Nam. - Ông vừa là nhà thơ trữ tình và vừa là nhà thơ trào phúng xuất sắc của văn học Trung đại Việt Nam. - Ông được gọi là “Tam nguyên Yên Đổ” và được mệnh danh là “nhà thơ của làng cảnh Việt Nam”.</p>

<p>bạn, tình cảm gia đình cũng đều là chất liệu được ông đem vào thơ ca. + Ngôn ngữ thơ Nguyễn Khuyến rất phong phú, không những trong cách nói mà còn rất mỹ lệ, gợi cảm trong cách miêu tả. Ông còn có biệt tài khai thác khả năng diễn tả của từ ghép rất độc đáo: Thấp le te, đóm lập lòe, tẻo teo, ve ve, tênh nghếch, làng nhàng, khỏe khoe... <i>Năm gian nhà cỏ thấp le te</i> <i>Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe</i> (Thu âm) + Một số tác phẩm tiêu biểu: Quê Sơn thi tập, Yên Đỗ thi tập, Bách Liêu thi văn tập, Bạn đèn chơi nhà, Cẩm Ngữ, cùng nhiều bài ca, hát ả đào, vãn tế, câu đối truyền miệng. (GV giới thiệu hình ảnh, link)</p>	
<p>* HD2: Đọc văn bản và giải thích từ khó</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV - GV yêu cầu HS: Chia sẻ cách đọc (giọng đọc, cách thực hiện lệnh khi đọc) văn bản và nêu những từ ngữ khó cần chú ý và giải thích.</p> <p>Bước 2: Thực hiện NV - HS đọc lập thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn. - GV gọi 2 – 3 HS chia sẻ cách đọc và đọc văn bản, nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng khó trong văn bản. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm. - HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, định hướng và đọc minh họa văn bản; cuối cùng GV tổng hợp và cung cấp thêm thông tin, cách hiểu về những từ ngữ khó.</p>	<p>2. Văn bản</p> <p>a. Đọc và giải thích từ khó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS cách đọc: + Ngắt nhịp: Câu song thất: ngắt nhịp 3/4, 3/2/2; Câu lục bát: chủ yếu ngắt nhịp 2/2/2; 4/4; Riêng dòng đầu tiên ngắt nhịp 2/1/3 + giọng đọc trầm buồn, chậm rãi, sâu lắng; thay đổi giọng đọc ở các câu hỏi, câu cảm. - Giải thích một số từ ngữ khó: - <i>Quyên tương</i>: chỉ thứ rượu ngon. - <i>Đông bích</i>: vách phía đông, nơi để sách và đọc sách. Điển phần: chỉ các sách kinh điển từ thời cổ ở Trung Quốc mà các nhà nho cần đọc. - <i>Buổi dương cửu</i>: chữ lấy trong Kinh Dịch, chỉ thời buổi khó khăn, hoạn nạn.
<p>* HD3: Tìm hiểu chung văn bản</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV GV yêu cầu HS trao đổi nhóm cặp thống nhất nội dung sau:</p>	<p>b. Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: sự ra đi đột ngột của người bạn gần bó keo sơn với tác giả là nhà thơ Dương Khuê. - Đề tài: tình bạn.

<p>+ Sự kiện tạo ra nguồn cảm xúc để Nguyễn Khuyến viết bài thơ là gì? (Hoàn cảnh sáng tác)</p> <p>+ Xác định đề tài của bài thơ.</p> <p>+ Sự kiện ấy chi phối bố cục của bài thơ như thế nào? Cho biết ý chính của mỗi phần theo bố cục đó.</p> <p>Bước 2: Thực hiện NV</p> <p>- HS bắt cặp và trao đổi, thống nhất theo yêu cầu của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <p>- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm.</p> <p>- HS cử đại diện nhóm báo cáo sản phẩm.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV tổng hợp, chốt kiến thức và mở rộng thêm một số thông tin chung về bài thơ:</p> <p>+ Nguyễn Khuyến sinh năm 1835, Dương Khuê sinh năm 1839. Hai người kết bạn từ thuở thi đậu, Nguyễn Khuyến bỏ quan về quê, Dương Khuê vẫn làm quan nhưng cả hai vẫn giữ tình bạn gắn bó khăng khít.</p> <p>+ Dương Khuê - là bạn đồng học của Nguyễn Khuyến, ông vốn nổi tiếng về tài Hán văn và văn Nôm. Tác phẩm của ông chủ yếu trong tập Vân Trì thi tập và một số thơ văn câu đối. Thơ ca Nôm của ông có những nét riêng rất đặc sắc, nhất là trong thể loại Ca trù. Nói chung Dương Khuê khá đa tài và là người có tài năng nghệ thuật khá hoàn hảo cả bằng Hán văn lẫn chữ Nôm.</p> <p>+ Năm 1902, khi nghe tin bạn mất, Nguyễn Khuyến đã làm bài thơ khóc bạn. Có thể nói, sự kiện trên đã chi phối bố cục của bài thơ. Tất cả các phần của bài thơ đều hướng đến việc thể hiện nỗi đau mất bạn đó.</p>	<p>- Bố cục: 3 phần</p> <p>+ Hai dòng đầu: cảm xúc khi nghe tin bạn mất.</p> <p>+ Từ dòng tiếp theo đến “Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời” (dòng 3-22): hồi tưởng lại những kỉ niệm với bạn.</p> <p>+ Từ dòng tiếp theo đến hết (dòng 23 đến hết): tâm trạng và nỗi buồn của nhà thơ.</p>
<p>II. Đọc và tìm hiểu chi tiết</p> <p>* HĐ1: Tìm hiểu các yếu tố đặc trưng thể loại trong bài thơ</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p> <p>- GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi hoàn thành PHT số 1 trong thời gian 5 phút.</p>	<p>II. Đọc và tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Các yếu tố hình thức đặc trưng thể thơ song thất lục bát trong bài thơ “Khóc Dương Khuê”</p>

<p>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Tìm hiểu các yếu tố đặc trưng của thể thơ song thất lục bát trong bài thơ “<i>Khóc Dương Khuê</i>”</p>		<p>Đặc trưng thể loại</p> <p>Biểu hiện trong văn bản</p>	<p>1. Số dòng, số tiếng</p> <p>- Mỗi khổ gồm 4 dòng: hai dòng thất ngôn và một dòng lục, một dòng bát kế tiếp nhau liên tục. - Riêng khổ đầu: mở đầu bằng câu lục bát → một dạng của thể song thất lục bát.</p>
<p>Đặc trưng thể loại</p> <p>Biểu hiện trong văn bản</p>	<p>2. Vận, Nhịp</p> <p>- Mỗi khổ thơ có hai vần trắc và năm vần bằng; dòng sáu chỉ có vần chân, ba dòng kia vừa có vần chân vừa có vần lưng. - Nhịp: câu song thất ngắt nhịp 3/4, 3/2/2; câu lục bát ngắt nhịp chẵn. *VD: <i>Bác chẳng ở, /dẫu van chẳng ở,</i> B T <i>Tôi tuy thương, /lấy nhớ làm thương;</i> T B <i>Tuổi già/hạt lệ/như sương,</i> B <i>Hơi đâu chuốc lấy /hai hàng chứa chan!</i> B</p>		
<p>1. Số dòng, số tiếng</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>2. Vận</p> <p>.....</p>	<p>3. Nhịp</p> <p>.....</p>	<p>Bước 2: Thực hiện NV - HS thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV gọi 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, chốt nội dung kiến thức về các đặc trưng của thể loại trong bài thơ, phân tích vần nhịp một khổ thơ và nhấn mạnh: <i>Khóc Dương Khuê</i> là bài thơ tiêu biểu và chuẩn mực cho đặc trưng của thể thơ song thất lục bát.</p>
<p>* HD2: Tìm hiểu hai dòng thơ đầu</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV - GV yêu cầu HS độc lập thực hiện những yêu cầu sau: (1) Chỉ ra biện pháp tu từ nổi bật, cách xưng hô và việc sử dụng từ láy trong hai dòng thơ đầu. (2) Xác định cách ngắt nhịp ở từng câu. (3) Qua những dấu hiệu nghệ thuật trên, hãy cho biết cảm xúc của tác giả như thế nào khi nghe tin bạn mất?</p> <p>Bước 2: Thực hiện NV - HS độc lập suy nghĩ theo từng yêu cầu</p>		<p>2. Nội dung cảm xúc trong bài thơ a. Cảm xúc khi nghe tin bạn mất (Hai dòng thơ đầu) “<i>Bác Dương/ thôi/ đã thôi rồi</i> <i>Nước mây man mác/ngâm ngùi lòng ta</i>” - “thôi đã thôi rồi”: cách nói giảm nói tránh để giảm bớt nỗi đau mất bạn - xưng hô “Bác”: thể hiện sự thân thiết, trân trọng với người đã khuất - sử dụng từ láy “man mác”, “ngâm ngùi”: tâm trạng buồn và thương xót một cách âm thầm, lặng lẽ.</p>	

<p>- GV lần lượt 3 HS trả lời 3 ý, HS khác lắng nghe, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <p>- GV gọi 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV tổng hợp ý kiến, nhận xét, chốt kiến thức trọng tâm và mở rộng: Việc đưa câu lục bát lên đầu bài thơ thể hiện nỗi đau tột cùng và tình cảm tiếc thương vô hạn trước sự ra đi đột ngột của người bạn thân thiết từ thuở còn theo đòi khoa cử. Đồng thời, nhà thơ đã dùng cách nói giảm để thể hiện nỗi đau của mình. Còn nỗi đau mất bạn cũng được diễn tả hình ảnh "Nước mây man mác...". Nỗi buồn đau thấm cả vào cảnh vật. Nỗi đau của người già thâm trầm kín đáo nhưng sâu sắc. Những từ "man mác", "ngậm ngùi" đã thể hiện được sắc thái tinh tế ấy trong cách thể hiện tâm trạng của nhà thơ. Đau đớn, thảng thốt nhưng không ồn ào mà da diết.</p> <p>* HD3: Tìm hiểu những dòng thơ tiếp theo (từ dòng 3 đến dòng 22)</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p> <p>- GV hướng dẫn HS thực hiện kỹ thuật khăn trải bàn để thảo luận câu hỏi sau: “<i>Những kỉ niệm nào về tình bạn đã được tác giả hồi tưởng? Chỉ rõ và nêu tác dụng giọng điệu và biện pháp nghệ thuật nổi bật của những dòng thơ đó.</i>”</p> <p>Bước 2: Thực hiện NV</p> <p>- HS nhận nhiệm vụ, tổ chức nhóm và tiến hành thảo luận; GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <p>- GV gọi đại diện 1 nhóm trình bày kết quả đã thống nhất; nhóm khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV tổng hợp ý kiến, đánh giá hoạt động nhóm và chốt kiến thức cơ bản; đồng thời giảng bình: Lời than khóc trở nên xót xa khi nhà thơ nhắc</p>	<p>→ Nhịp thơ 2/1/3 kết hợp với cách nói giảm nói tránh ở dòng lục tạo sự đột ngột, hụt hẫng; nhịp điệu 4/4 kết hợp với các từ láy ở dòng bát tạo sự dàn trải, mênh mông: diễn tả cảm xúc ngỡ ngàng, đau xót kéo dài như vô cùng vô tận, lan tỏa ra cả không gian rộng lớn, bao la.</p> <p>b. <i>Hồi tưởng những kỉ niệm về tình bạn (Từ dòng 3 đến dòng 22)</i></p> <p>- Kỉ niệm về tình bạn thuở học trò cùng chuyên cần đèn sách, hăng hái, nhiệt huyết trên con đường công danh, sự nghiệp; những buổi cùng nhau với thú vui dậm khách, thú vui đàn hát, khi chén rượu, lúc cuộc cờ, thơ phú...</p> <p>- Kỉ niệm khi cùng đỗ đạt đồng khoa như duyên trời, nguyện đem sức mình phục vụ đất nước, hoạn nạn cùng vượt, ngọt bùi sẻ chia.</p> <p>- Kỉ niệm về lần gặp gỡ cuối cùng: kẻ làm quan, người cáo quan về quê, đến khi về già mới gặp nhau ba năm trước đó.</p> <p>→ Sử dụng biện pháp liệt kê, trùng điệp kết hợp với giọng điệu kể lể tự tình chậm rãi, buồn đau: nhà thơ lựa chọn để kể lại những kỉ niệm đáng nhớ nhất kéo dài từ tuổi trẻ cho</p>
--	--

lại điển tích Tử Kỳ - Bá Nha và Trần Phồn - Tử Trĩ. Chiếc giường dành riêng tiếp bạn nay đã trở nên “hững hờ”. Tiếng đàn cũng “ngẩn ngơ” mất hồn vì lẻ bạn. Một cách nói thậm xưng để cực tả nỗi đau tê tái khi bạn thân qua đời. Khi còn sống thì đôi bạn cùng đi chơi “dặm khách”, cùng “lựa chiều cầm xoang”, “rượu ngon cùng nhấp”, cùng “bàn soạn câu văn”... Lúc bạn qua đời chẳng còn người tri âm tri kỉ để cùng nhau uống rượu, làm thơ, nghe đàn, năng lui tới thăm nom, chia ngọt sẻ bùi cùng nhau. Nguyễn Khuyến đã có nhiều cách nói rất sâu sắc, cảm động diễn tả sự thương xót bạn và nỗi buồn cô đơn của mình.

* HD 4: Tìm hiểu những dòng thơ cuối (từ dòng 24 đến hết)

Bước 1: Chuyển giao NV

- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm cặp, hoàn thành các yêu cầu trong PHT sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		
Tìm hiểu Tâm trạng của nhà thơ (từ dòng 24 đến hết)		
Các dòng thơ	Dấu hiệu nghệ thuật	Tác dụng, ý nghĩa
Từ dòng 23-30	Vd: Kết cấu trùng điệp, điệp ngữ
Từ dòng 31 đến 34
Từ dòng 35 đến 38
*Nhận xét chung: Khái quát những dấu hiệu nghệ thuật và việc sử dụng ngôn ngữ. Từ đó, nêu cảm nhận về những nét tâm trạng của nhà thơ?		

Bước 2: Thực hiện NV

- HS tạo nhóm cặp thảo luận theo hướng dẫn.

đến lúc về già. Điều đó thể hiện tình bạn gắn bó, keo sơn, thắm thiết giữa hai người.

c. Tâm trạng của nhà thơ (từ dòng 23 đến hết)

- Kết cấu trùng điệp, điệp ngữ: “không có, không mua, không phải” (điệp từ “không” 5 lần) → cảm giác nức nở, sự trống vắng đến nghẹn ngào, chua xót.

- Sử dụng điển tích Trung Quốc: Trần Phồn - Tử Trĩ, Bá Nha - Tử Kỳ → tình bạn tri âm, tri kỉ.

- Từ “đàn” đầu câu láy lại cuối câu: trạng thái ngẩn ngơ chuyển sang thống thiết, tình cảm như đợt sóng trào dâng.

- Hai câu thơ cuối "tuổi già... chứa chan": hình ảnh ẩn dụ kết hợp cùng so sánh → cách thể hiện tình cảm tinh tế (tuổi già không còn nước mắt để khóc bạn, nhưng kì thực đang đầm đìa nước mắt), thể hiện niềm xót thương, đau đớn vô hạn.

→ Sử dụng nghệ thuật trùng điệp với nhiều những điển tích, điển cố sâu sắc; ngôn ngữ giản dị, thân tình, trong sáng, thể hiện được tài thơ tinh tế, uyên bác. Từ đó, khắc họa nhiều nét tâm trạng của nhà thơ trước sự ra đi của người bạn tri kỉ:

+ Nỗi đau đớn và không muốn tin đó là sự thật: tự dối thoại với bạn trong tâm tưởng, “trách” bạn vội vàng, rồi lại tự an ủi mình, vỗ về bạn.

+ Nỗi buồn cô đơn, trống vắng: Chấp nhận nỗi đau mất bạn nhưng không nguôi được nhớ thương.

+ Thương bạn mà cũng là thương cho bản thân mình vì từ đây chỉ còn lại sự cô đơn, trống vắng, không người tri âm, tri kỉ.

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV gọi 1-2 đại diện nhóm bất kì lên chiếu và trình bày kết quả thảo luận; Nhóm khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét;</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV tổng hợp, đánh giá, chốt kiến thức cơ bản và bình giảng hình ảnh “giọt lệ như sương” và hai câu thơ cuối.</p>	
<p><i>GV có thể giảng bình, ví dụ:</i></p> <p>- Nước mắt là cái hữu hình biểu hiện cái tâm trạng vô tình. Trong văn chương có nhiều từ ngữ khác nhau để diễn tả nước mắt như: giọt lệ, giọt châu, giọt hồng, giọt sương, dòng châu, lệ hoa (Nguyễn Du), hai hàng tình lệ (Phạm Thái), hai hàng lụy nhỏ (Nguyễn Đình Chiểu)... Riêng Nguyễn Khuyến lại viết là hạt lệ - hạt lệ như sương. Nước mắt tuổi trẻ thì đầm đìa chứa chan, Phạm Thái khóc Trương Quỳnh Như: sụt sùi hai hàng tình lệ (Văn tế Trương Quỳnh Như). Thuý Kiều buồn tủi uất ức mà lệ hoa mấy hàng (Truyện Kiều - Nguyễn Du). Nước mắt người già còn đau mà chảy thành dòng, thành hàng. Cho nên ông già Nguyễn Khuyến khóc bạn bằng hạt lệ như sương. Từ hạt lệ đã nâng giọt nước mắt của Nguyễn Khuyến lên thành hình tượng nghệ thuật. Tác giả đã sử dụng kết hợp biện pháp ẩn dụ (hạt lệ) với biện pháp so sánh (như sương) khiến cho giọt nước mắt hóa thành ngọc long lanh. Nó là kết tinh của tâm trạng xót đau, thương tiếc mang tính thẩm mỹ. Hình ảnh hạt lệ như sương không chỉ làm tâm trạng mà trong sâu thẳm là một tình bạn trong sáng, thủy chung, sâu nặng, vẻ đẹp đó lấp lánh trong toàn bộ bài thơ.</p> <p>- Trái qua bao mưa nắng, bao thăng trầm hoạn nạn, Tam nguyên Yên Đổ còn đau nhiều nước mắt để khóc bạn, chỉ còn biết “lấy nhớ làm thương”. Tuy nhiên cả bài thơ, nhất là bốn câu kết đã “chứa chan” nước mắt đau xót. Hai câu thơ: “Bác chẳng ở đâu vẫn chẳng ở - Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương” với cách diễn đạt trùng điệp và tăng cấp đã tạo nên giọng thơ buồn thê thiết, Nguyễn Khuyến để lại nhiều tiếng khóc: khóc cho đất nước và dân tộc, khóc vợ, khóc con, khóc bạn,... Tiếng khóc nào cũng xúc động, tê tái, nặng tình, nặng nghĩa. Riêng bài “Khó Dương Khuê” lại được viết bằng thể thơ song thất lục bát, lời khóc bạn càng trở nên thiết tha, não nùng, lúc thì nức nở, thảng thốt, lúc thì kể lể thở than, lúc thì phân trần, lúc thì trách móc, lời thơ thủ thỉ như nói với người còn sống, rất cảm động, giọng thơ liền mạch, lời thơ tinh tế, biểu cảm đã thể hiện nghệ thuật vừa bình dị, vừa điêu luyện.</p>	
<p>III. Tổng kết *HD 1: Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV - GV yêu cầu HS đọc lập thực hiện yêu cầu: Khái quát những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.</p> <p>Bước 2: Thực hiện NV - HS đọc lập thực hiện yêu cầu</p>	<p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ song thất lục bát, đậm đà bản sắc dân tộc; - Ngôn ngữ bình dị, thân tình, trong sáng, đậm chất suy tưởng, trầm ngâm; - Sử dụng điển tích, điển cố sâu sắc, thể hiện được tài thơ tinh tế, uyên bác; kết hợp các biện pháp nghệ thuật đặc sắc (nói giảm nói tránh, các câu hỏi tu từ, điệp ngữ...)

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV gọi đại diện 2-3 HS trình bày miệng; HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV tổng hợp ý kiến, khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của văn bản và giảng bình: Khóc Dương Khuê là một trong những bài thơ đẹp để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc về tình bạn thắm thiết, thủy chung son sắt. Tác giả không chỉ thành công khi sử dụng cách nói giảm nói tránh để giảm nhẹ nỗi đau của sự việc, mà còn sử dụng nhiều điển tích điển cố, từ ngữ, hình ảnh giàu sức biểu cảm với kết cấu đảo ngữ để tạo nên một bài thơ trợn vẹn nhiều dư vị trong lòng bạn đọc. Càng đọc, càng phân tích ta càng cảm phục tình bạn cao quý, gắn bó keo sơn giữa Nguyễn Khuyến và Dương Khuê. Bài thơ cũng đồng thời gửi gắm thông điệp tới độc giả: hãy biết quý trọng tình bạn, vun đắp cho tình bạn mãi bền lâu bởi đó là niềm hạnh phúc, là sức mạnh không thể thiếu trong cuộc đời mỗi con người.

**HD 2. Rút ra những lưu ý khi đọc hiểu bài thơ viết theo thể song thất lục bát.*

Bước 1: Chuyển giao NV

- GV yêu cầu HS điền các từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành PHT sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02	
Lưu ý khi đọc hiểu bài thơ viết theo thể song thất lục bát	
Yêu cầu	Từ cần điền
(1) Xác định đề tài, chủ đề và (...) của bài thơ.
(2) Xác định bài thơ bắt đầu bằng câu (...) hay lục bát? Tác dụng?
(3) Quan tâm đến (...) được thể hiện trong bài thơ của tác giả, sự kết hợp giữa nghệ thuật (...) và cách thức thể hiện tình cảm.

2. Nội dung

“Khóc Dương Khuê” là bài thơ cảm động bày tỏ tâm trạng, cảm xúc của tác giả trước nỗi đau mất bạn. Đồng thời, bài thơ đề cao, ca ngợi tình bạn gắn bó, keo sơn, cùng thấu hiểu nhau một cách chân tình, thắm thiết, sâu nặng.

3. Lưu ý khi đọc hiểu bài thơ viết theo thể song thất lục bát.

- Xác định đề tài, chủ đề và bố cục của bài thơ.
- Xác định bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát? Tác dụng?
- Quan tâm đến giọng điệu được thể hiện trong bài thơ của tác giả, sự kết hợp giữa nghệ thuật kể chuyện và cách thức thể hiện tình cảm.
- Chú trọng đến việc sử dụng ngôn từ, việc sử dụng các thủ pháp nghệ thuật như: nói giảm - nói tránh, dùng từ láy, từ ghép, cách xưng hô, lời cảm thán,...
- Cảm nhận từ nội dung tình cảm, cảm xúc của bài thơ những giá trị cuộc sống.

(4) Chú trọng đến việc sử dụng ngôn từ, việc sử dụng các (...) như: nói giảm - nói tránh, dùng từ láy, từ ghép, cách xưng hô, lời cảm thán,...	
(5) Cảm nhận từ nội dung (...) của bài thơ những giá trị cuộc sống.	
<p>Bước 2: Thực hiện NV - HS đọc lập hoàn thành PHT.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV gọi 2-3 em báo cáo nội dung hoàn thành PHT.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, chốt và khắc sâu cách đọc hiểu bài thơ song thất lục bát.</p>		

3. Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

a. Mục tiêu: Củng cố khắc sâu nội dung ý nghĩa tư tưởng của bài thơ; kết nối với hiểu biết thực tế và kỹ năng khai thác thông tin của HS.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề để giúp học sinh thực hiện các nhiệm vụ luyện tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau:

+ Trên lớp: Trả lời câu hỏi 7 (SGK/49): *Bài thơ Khóc Dương Khuê giúp em có thêm nhận thức gì về tình bạn trong cuộc sống?*

+ Ở nhà: thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau

(1) *Tìm hiểu và ghi chép những câu chuyện về tình bạn đẹp trong cuộc sống.*

(2) *Sưu tầm một số bài thơ/đoạn thơ song thất lục bát của các tác giả khác.*

- HS đọc lập thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

- GV yêu cầu HS 2 - 3 HS chia sẻ nội dung câu trả lời nhiệm vụ (1) ở lớp, HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung ý kiến; thực hiện nhiệm vụ (2) ở nhà.

- GV nhận xét, khen ngợi, tuyên dương những HS có câu trả lời tốt cho nhiệm vụ (1), yêu cầu HS nộp bài trên fanpage hoặc padlet lớp học cho nhiệm vụ (2), các thành viên trong lớp vào nhận xét, đánh giá sản phẩm của bạn.

***Hướng dẫn chuẩn bị bài sau:**

Phần Thực hành đọc hiểu Văn bản 1. Phò giá về kinh

- Đọc trước văn bản *Phò giá về kinh*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Trần Quang Khải, về hoàn cảnh chống giặc Mông- Nguyên thời nhà Trần, về hào khí thời Trần.

- Chia nhóm tìm hiểu các nội dung trong phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP Thực hành đọc hiểu văn bản “Tụng giá hoàn kinh sư” – Trần Quang Khải	
Yêu cầu	Nội dung
1. Xác định các đặc điểm hình thức của thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt trong bài thơ (số chữ, dòng, niêm, luật và cách hiệp vần ở bản phiên âm)	
2. Tìm hiểu nội dung bài thơ - Hai dòng thơ đầu tập trung khắc họa những chiến công lẫy lừng nào? Tìm từ ngữ, hình ảnh, nêu tác dụng? - Hai dòng thơ cuối bài nói lên tâm sự gì của võ tướng? - Hai dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối có mối quan hệ gì với nhau?	
3. Tác dụng của cách ngắt nhịp trong việc thể hiện nội dung bài thơ - Chỉ ra cách ngắt nhịp của từng dòng thơ (phân phiên âm) - Nhịp điệu các dòng thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung bài thơ?	
4. Khái quát những giá trị đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn bản. - Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, giọng điệu, cách diễn đạt cảm xúc của tác giả trong bài thơ? - Tác giả đã thể hiện tư tưởng, cảm xúc nào trong bài thơ?	

Ngày soạn: 29/8 /2024	Dạy	Ngày	19/9/2024
		Tiết	4
		Lớp	9D

**TUẦN 2-Tiết 7: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU
PHÒ GIÁ VỀ KINH**

(*Trần Quang Khải*)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được đặc trưng thể loại của văn bản “*Phò giá về kinh*”.
- Nhận diện đôi nét về tác giả, tác phẩm của văn bản “*Phò giá về kinh*”.
- Xác định và phân tích được các đặc điểm của văn bản: *Vần, nhịp, niêm, luật...*
- Xác định và phân tích được bố cục của văn bản.
- Nhận diện và phân tích được nội dung bao quát của văn bản
- Nhận diện và phân tích được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.
- Viết bài văn phân tích được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. *Mục tiêu:* Tạo không khí học tập phấn khởi, tích cực, kiểm tra việc đọc và chuẩn bị bài ở nhà của HS.

b. *Nội dung:* GV sử dụng kỹ thuật trò chơi để kiểm tra kiến thức nền và những thông tin về văn bản *Phò giá về kinh*.

c. *Sản phẩm:* Kết quả tham gia trò chơi của HS.

d. *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi *Nhanh như chớp*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia trò chơi theo hướng dẫn của GV.

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi, xử lý tình huống (nếu có).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

+ HS tham gia trò chơi bằng cách trả lời các câu hỏi liên quan về tác giả, tác phẩm *Phò giá về kinh*.

+ GV quay random chọn ngẫu nhiên HS tham gia trò chơi. Quá 5 giây HS không đưa ra được đáp án đúng ở câu hỏi nào phải nhường quyền trả lời cho bạn khác (GV quay random chọn ngẫu nhiên HS tiếp theo tham gia trò chơi).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét kết quả tham gia trò chơi của HS và kết nối vào bài học.

CÂU HỎI TRÒ CHƠI

Câu 1. Tác giả bài thơ *Phò giá về kinh* là ai?

Đáp án: Trần Quang Khải

Câu 2. Bài thơ được viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm?

Đáp án: Chữ Hán

Câu 3. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Đáp án: Ngũ ngôn tứ tuyệt

Câu 4. Bài thơ được viết vào thời điểm nào?

Đáp án: sau chiến thắng quân Mông - Nguyên lần thứ hai.

Câu 5. Các câu thơ trong bài được ngắt nhịp như thế nào?

Đáp án: 2/3

Câu 6. Bài thơ được viết theo luật bằng hay luật trắc?

Đáp án: Luật trắc

Câu 7. Tìm các tiếng được gieo vần trong bài thơ?

Đáp án: Quan - san

Câu 8. Tác phẩm tiêu biểu cho hào khí thời đại nào trong lịch sử nước ta?

Đáp án: Thời nhà Trần

Câu 9. Trong lịch sử, chiến thắng Chương Dương hay Hàm Tử diễn ra trước?

Đáp án: Hàm Tử

Câu 10. Khi đọc hiểu văn bản thơ Đường luật viết bằng chữ Hán, chúng ta tìm hiểu phần phiên âm hay dịch thơ?

Đáp án: Phần phiên âm

2. Hoạt động 2: Thực hành đọc hiểu

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các đặc điểm, tác dụng của thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt trong bài thơ *Phò giá về kinh* (bố cục, số dòng, số chữ, niêm, luật, cách hiệp vần, cách ngắt nhịp ở bản phiên âm,...).

- Hiểu được nội dung và mối quan hệ của hai dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối, chủ đề của bài thơ thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình, thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần. Từ đó bồi đắp tình yêu, niềm tự hào về tinh thần yêu nước trong lịch sử dân tộc.

- Thực thành kĩ năng đọc hiểu bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt viết bằng chữ Hán.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH theo nhóm, dạy học hợp tác tổ chức cho HS thực hành đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Cách thức tổ chức HĐ	Dự kiến sản phẩm
<p>I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm <i>*HĐ1: Kiểm tra việc tìm hiểu thông tin chung về tác giả, tác phẩm ở nhà của HS</i></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS: (1) Giới thiệu những thông tin em đã tìm hiểu được về tác giả Trần Quang Khải. (2) Trình bày bối cảnh ra đời và bố cục của bài thơ?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS chuẩn bị các nhiệm vụ theo yêu cầu của GV. - GV gọi 3 HS lần lượt chia sẻ các nội dung; HS khác theo dõi, lắng nghe và nhận xét, bổ sung cho bạn, - GV nhận xét, giới thiệu thêm thông tin về tác giả Trần Quang Khải, hoàn cảnh sáng tác bài thơ và hào khí đời Trần. Ví dụ: + Trần Quang Khải (1241-1294), tước hiệu Chiêu Minh Đại Vương, con trai thứ ba của vua Trần Thái Tông. Ông</p>	<p>I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Trần Quang Khải (1241-1294), là một võ tướng kiệt xuất thời Trần. Ông có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống Mông- Nguyên. - Thơ ông mang tinh thần thời đại, đầy chất trí tuệ nhưng vẫn hết sức lãng mạn, phóng khoáng. 2. Tác phẩm - Thể thơ: ngũ ngôn tứ tuyệt. - Bối cảnh ra đời: Bài thơ “Phò giá về kinh” được tác giả viết sau khi hộ giá hai vua Trần trở lại Thăng Long sau chiến thắng</p>

là một võ tướng kiệt xuất, làm đến chức Tướng quốc coi cả mọi việc trong nước. Ông có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên (1284-1285; 1287-1288), đặc biệt là trong hai trận chiến thắng ở Hàm Tử và Chương Dương. Khi dẹp tan quân Nguyên, triều đình xét công, ông đứng vào bậc nhất.

+ Ông được người dân VN lập đền thờ ở một số nơi như tại đình làng Phương Bộng, ngoại thành thành phố Nam Định.

+ Ông là người học rộng, giỏi thơ phú, là người có nhiều vần thơ "sâu xa lí thú" (Phan Huy Chú). Trần Quang Khải để lại một số bài thơ rất hay, thể hiện cảm hứng trữ tình: "Lưu gia độ" (Bến đò Lưu gia), "Phúc Hưng viên" (Vườn Phúc Hưng), "Xuân cảm" (Cảm hứng mùa xuân).

+ Ho Phò giá về kinh được Trần Quang Khải viết sau ngày đại thắng lần thứ hai của dân tộc, đánh đuổi toàn bộ đội quân xâm lược Mông - Nguyên ra khỏi bờ cõi đất nước, đem lại nền thái bình cho Đại Việt. Tác phẩm được hoàn thành vào khoảng những ngày cuối thượng tuần tháng Bảy năm 1285, khi trước đó ngày 9 cùng tháng (tức ngày 6 tháng Sáu âm lịch), ông được lệnh hộ giá hai vua Trần (Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và Hoàng đế Trần Nhân Tông) trở lại Thăng Long, khi Kinh thành đã sạch bóng quân thù, sau chiến thắng Hàm Tử và Chương Dương. Đây là hai chiến dịch quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ cục diện cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai, trong đó chiến dịch Chương Dương là do Trần Quang Khải trực tiếp chỉ huy.

+ Nguyên tác chữ Hán:

從駕還京師

奪槩章陽渡

擒胡鹹子關

太平須努力

萬古此江山

+ Hào khí thời Trần: được gọi là hào khí Đông A (Do triết tự từ chữ Trần (chữ Hán) gồm nửa chữ A và chữ Đông), hun đúc từ ý chí quyết tâm của cả dân tộc, từ các bậc vua, quý tộc, quan lại, quân đội cho đến người dân đồng lòng đứng lên bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc, không chịu làm nô lệ trước kẻ thù hung hãn. Quân sĩ thích

quân Mông- Nguyên lần thứ hai 1285.

- Bố cục: 2 phần

+ Phần 1 (khai câu thơ khởi, thừa): Hào khí chiến thắng của quân ta

+ Phần 2 (hai câu thơ chuyển, hợp): Khát vọng muôn đời thái bình, độc lập.

trên cánh tay hai chữ “Sát Thát” (giết giặc Nguyên) với tinh thần sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc. Hào khí đời Trần, hào khí Đông A được đúc kết từ trí tuệ, từ lòng tự tôn, tự hào và sức mạnh của dân tộc Đại Việt.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1 - 2 HS mỗi nhóm trình bày sản phẩm.
- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.
- GV chuyển sang nội dung mới.

II. Thực hành đọc hiểu

**HD2: Đọc và giải thích từ khó*

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

(1) Đọc lại phần Dịch nghĩa, Dịch thơ; chia sẻ nội dung tiếp nhận được theo chỉ dẫn đọc ở cột bên phải văn bản.

(2) Chia sẻ cách đọc diễn cảm bài thơ và giải nghĩa một số từ ngữ khó: Chương Dương, Hồ, Hàm Tử?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS chuẩn bị các nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
- GV gọi HS lần lượt chia sẻ các nội dung; HS khác theo dõi, lắng nghe và nhận xét, bổ sung cho bạn,
- GV nhận xét, rút kinh nghiệm đọc và kỹ năng đọc, trải nghiệm cùng văn bản cho HS. Giải thích thêm một số từ có liên quan nội dung văn bản:
 - + *Tụng giá hoàn kinh sư* (*tụng*: đi theo sau; *giá*: xe của vua; *hoàn*: trở về; *kinh sư*: thủ đô đất nước có vua).
 - + *đoạt*: cướp lấy
 - + *sóc*: giáo
 - + *cầm*: bắt
 - + *trí*: đem hết, dốc hết
 - + *lực*: sức mạnh
 - + *vạn cổ*: muôn đời
 - + *thử*: ấy, này
 - + *giang*: sông
 - + *san*: núi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

1. Đọc và giải thích từ khó

- Cách đọc: ngắt nhịp 2/3; đọc diễn cảm bài thơ với giọng hùng hồn, hào sảng. Hai dòng đầu cần đọc với nhịp điệu nhanh, mạnh mẽ; hai dòng sau đọc chậm rãi hơn; phân dịch nghĩa đọc rõ ràng nghĩa của các yếu tố Hán Việt.

- Giải nghĩa một số từ ngữ:

+ *Chương Dương*: bên sông nằm ở hữu ngạn sông Hồng, thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây, nay là Hà Nội, chiến thắng Chương Dương diễn ra vào tháng 6 năm Ất Dậu (1285) do Trần Quang Khải chỉ huy.

+ *Hồ*: từ do người Trung Quốc xưa dùng để chỉ các dân tộc thiểu số và ngoại tộc ở phía Bắc với thái độ khinh miệt.

+ *Hàm Tử*: một địa điểm ở tả ngạn sông Hồng, thuộc huyện Khoái châu, tỉnh Hưng Yên, trận Hàm Tử diễn ra vào tháng 4 năm Ất Dậu (1285) do Trần Nhật Duật chỉ huy với sự hỗ trợ đặc lực của Trần Quang Khải

<p>- GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p>	
<p>*HD 3. Thực hành đọc hiểu chi tiết văn bản</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>+ Làm việc nhóm bàn, chia sẻ và thống nhất nội dung đã chuẩn bị trong PHT đã giao tiết trước.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS hình thành nhóm, thực hiện trao đổi, thống nhất, hoàn thiện PHT theo hướng dẫn của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- đại diện 4 nhóm HS lần lượt chiếu và trình bày kết quả thực hành đọc hiểu văn bản (mỗi nhóm thực hiện 1 yêu cầu trong PHT); các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét quá trình và kết quả thực hành đọc hiểu của HS, chốt kiến thức trọng tâm trong văn bản; đồng thời mở rộng thông tin, bình giảng một số từ ngữ, hình ảnh, chi tiết nghệ thuật độc đáo,... trong bài thơ.</p>	

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>PHIẾU HỌC TẬP</p> <p>Thực hành đọc hiểu văn bản</p> <p>“Tụng giá hoàn kinh sư” – Trần Quang Khải</p>	
<p>Yêu cầu</p>	<p>Nội dung</p>
<p>1. Xác định các đặc điểm hình thức của thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt trong bài thơ (số chữ, dòng, niêm, luật)</p>	<p>- Bài thơ có 4 dòng, mỗi dòng có 5 chữ;</p> <p>- Niêm: câu 1-4; 2-3 cùng thanh (bằng hoặc trắc) với nhau.</p> <p>- Luật: trắc (Chữ thứ 2, dòng 1- sáo)</p>

<p><i>luật và cách hiệp vần ở bản phiên âm)</i></p>	<p>- Vần: chữ cuối của dòng thứ 2 hiệp vần với chữ cuối của dòng thứ 4 (vần an trong các chữ: quan, san).</p> <p>=> Đây là bài thơ Đường luật ngũ ngôn tứ tuyệt.</p>
<p>2.</p> <p>- Hai dòng thơ đầu tập trung khắc hoạ những chiến công lẫy lừng nào? Tìm từ ngữ, hình ảnh và nêu tác dụng?</p> <p>- Hai dòng thơ cuối bài nói lên tâm sự gì của võ tướng?</p> <p>- Hai dòng thơ đầu và hai dòng cuối có mối quan hệ gì với nhau?</p>	<p>- Hai dòng đầu:</p> <p>+ mở đầu dòng thơ bằng những động từ mạnh “đoạt” (cuớp), “cầm” (bắt) nhằm diễn tả và nhấn mạnh sự dũng mãnh, chủ động của quân dân ta.</p> <p>+ khắc hoạ những chiến công lẫy lừng của quân đội nhà Trần trước kẻ thù hùng mạnh (Chương Dương, Hàm Tử). Các chiến công được kể diễn ra liên tục, cho thấy không khí hào hùng của cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược.</p> <p>- Hai dòng cuối:</p> <p>+ các từ “tu” (nên), từ “thử” (ấy, này) như lời tâm sự</p> <p>→ nói lên sự cố gắng và khát vọng hoà bình, độc lập của cả dân tộc. Điều này thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng của một nhà chiến lược lớn như Trần Quang Khải.</p> <p>- Mối quan hệ giữa hai dòng đầu và hai dòng cuối:</p> <p>Hai dòng đầu là cơ sở, nền tảng cho sự xuất hiện, cho tư tưởng chiến lược được thể hiện ở hai dòng sau. Nếu không có những chiến công vang dội, quyết định trận chiến trước kẻ thù hùng mạnh nhất thời đại thì không thể có nền hòa bình cho đất nước, không thể có không khí hào hùng trở về kinh đô đã sạch bóng quân thù, sẽ không thể có đất nước để cùng chung sức dựng xây.</p>
<p>3. Tác dụng của cách ngắt nhịp trong việc thể hiện nội dung bài thơ</p> <p>- Chỉ ra cách ngắt nhịp của từng dòng thơ (phần phiên âm)</p> <p>- Nhịp điệu các dòng thơ có tác dụng gì</p>	<p>Cách ngắt nhịp:</p> <p><i>Đoạt sóc/ Chương Dương độ,</i></p> <p><i>Cầm Hồ/ Hàm Tử quan.</i></p> <p><i>Thái bình/ tu trí lực,</i></p> <p><i>Vạn cổ/ thử giang san.</i></p> <p>- Hai dòng đầu bài thơ có nhịp 2/3 với những động từ mạnh góp phần thể hiện khí thế dồn dập. Đây là nhịp điệu <i>động</i>, mang “hoi</p>

<p><i>trong việc thể hiện nội dung bài thơ?</i></p>	<p>thờ” chiến trận như bước quân hành, chiến thắng liên tiếp, quyết liệt của các trận chiến dẫn đến thắng lợi trước quân thù.</p> <p>- Hai dòng cuối: vẫn ngắt nhịp 2/3 nhưng sự trầm tư, suy ngẫm về vận mệnh lâu dài của dân tộc làm âm hưởng bài thơ như lắng dịu xuống. Đây là nhịp điệu <i>tĩnh</i>. Nhịp điệu câu cuối như một điểm nhấn, một sự bình tâm, một lời khẳng định chân lí muôn đời: Chiến thắng là quan trọng nhưng biết giữ gìn chiến thắng và xây dựng đất nước hùng mạnh, bền vững muôn đời còn quan trọng hơn.</p> <p>→ Nhịp điệu các dòng thơ có tác dụng ca ngợi hào khí đời Trần với những chiến công oanh liệt của dân tộc ta trước quân xâm lược Mông - Nguyên và khát vọng xây dựng nền thái bình thịnh trị cho đất nước.</p>
<p>4. Khái quát những giá trị đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn bản.</p> <p>- Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, giọng điệu, cách diễn đạt cảm xúc của tác giả trong bài thơ?</p> <p>- Tác giả đã thể hiện tư tưởng, cảm xúc nào trong bài thơ?</p>	<p>- Giá trị nghệ thuật:</p> <p>+ Thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt cô đọng, hàm súc</p> <p>+ Giọng điệu sáng khoái, hân hoan, tự hào</p> <p>+ Hình thức diễn đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng.</p> <p>- Giá trị nội dung: Bài thơ thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình, thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần.</p>
<p><i>GV bình:</i></p> <p>+ Hai dòng thơ đầu: chỉ là kể việc, liệt kê những chiến công nhưng đã thấy thể hiện niềm tự hào phơi phới của những người chiến thắng. Những động từ mạnh mẽ như "đoạt sáo" (cuớp giáo), "cầm Hồ" (bắt giặc). Bài thơ được mở đầu bằng hai chiến thắng oanh liệt với khí thế ngút trời của quân dân Đại Việt ở Chương Dương và Hàm Tử. Hai vua cùng đại quân chiến thắng trở về với tư cách chủ nhân của đất nước, với tư thế của người chiến thắng đội quân xâm lược hung bạo nhất thời đại lúc bấy giờ. Đất nước sạch bóng thù, bước vào một kỉ nguyên mới với khí thế hào hùng.</p> <p>+ Hai dòng cuối: Suy nghĩ lâu dài cho xã tắc: chỉ xây dựng một nền thái bình vững chắc, đem lại cơm no, áo ấm cho dân chúng mới là gốc rễ lâu dài của dân tộc.</p> <p>+ Võ tướng Trần Quang Khải đã truyền đến mọi người một thông điệp, như một chân lí của muôn đời: đất nước đã thái bình, kẻ thù đã đại bại, nhưng không được say sưa chiến thắng,</p>	

phải cố gắng "Tu trí lực" hơn nữa, thì đất nước mới có thể vững bền vạn thuở, đây là tư tưởng mang giá trị nhân đạo sâu sắc.

+ "Tụng giá hoàn kinh sư" của Trần Quang Khải là một tráng ca vô cùng hào sảng, thể hiện "hào khí Đông A", hào khí chiến thắng của một dân tộc anh hùng, bất khuất. Bài thơ cũng thể hiện ý chí bảo vệ Tổ quốc và tầm nhìn xa trông rộng của một nhà lãnh đạo tài giỏi, sẽ còn mãi với non sông Đại Việt.

Như vậy, Với hình thức diễn đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng, bài thơ "Tụng giá hoàn kinh sư" đã thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. *Mục tiêu:* Tiếp tục củng cố khắc sâu nội dung tư tưởng, hình thức đặc sắc của văn bản thông qua hoạt động so sánh với văn bản “Nam quốc sơn hà”.

b. *Nội dung:* GV sử dụng PPDH theo nhóm và kỹ thuật đặt câu hỏi, nêu vấn đề hướng dẫn HS so sánh.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV đặt câu hỏi: So sánh văn bản với bài thơ “Sông núi nước Nam” tìm sự tương đồng về nội dung và hình thức.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS hoạt động nhóm đôi, chuẩn bị trả lời câu hỏi.</p> <p>- GV gọi 2-3 nhóm HS nêu kết quả thảo luận; nhóm Hs khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS nêu kết quả thảo luận; nhóm Hs khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>(1) Nội dung</p> <p>- Giống nhau: Đề tài yêu nước chống ngoại xâm, khẳng định và bảo vệ nền độc lập dân tộc,</p> <p>- Khác nhau: nội dung biểu hiện</p> <p>+ Bài <i>Sông núi nước Nam</i> được viết ở thời kì đầu dựng nước, giữ nước, khi đất nước mới giành được quyền độc lập; bài thơ nhằm khích lệ tinh thần binh sĩ trước trận trước quyết tâm chiến đấu tiêu diệt kẻ thù để bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc, đồng thời cảnh báo sự thất bại tất yếu của kẻ thù xâm lược.</p> <p>+ Bài <i>Phò giá về kinh</i> ca ngợi những chiến công oanh liệt của quân dân ta trước quân Mông - Nguyên xâm lược, giải phóng đất nước và khẳng định sự vững bền của xã tắc non sông.</p> <p>(2) Hình thức:</p>

- GV tổng hợp, đánh giá và chuẩn kiến thức.	Cùng sử dụng thể thơ TNNT (luật Trắc), giọng điệu hào sảng, nhịp điệu dồn dập, từ ngữ, hình ảnh mang tầm vóc vũ trụ, sử dụng phép đối hiệu quả.
---	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để đánh giá ý nghĩa của nội dung văn bản đối với cuộc sống hiện nay và nêu cảm nhận của bản thân về văn bản dịch thơ từ phiên âm chữ Hán.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, kỹ thuật đặt câu hỏi để hướng dẫn HS trình bày suy nghĩ về văn bản dịch thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu:

(1) Cho biết ý nghĩa của văn bản đối với cuộc sống hiện nay.

(2) Đối chiếu bản dịch thơ của Trần Trọng Kim và các bản dịch của Ngô Tất Tố, Trinh Đường, Ngô Văn Phú. Em thích nhất bản dịch nào của ai? Vì sao? (trả lời thành đoạn văn từ 6 – 8 dòng).

Bản dịch của [Ngô Tất Tố](#):

Bến Chương cướp giáo giặc,

Ái Hàm bắt quân Hồ.

Thái bình nên gắng sức,

Non nước vẫn muôn thuở.

Bản dịch của Trinh Đường:

Cướp giáo Chương Dương đó,

Bắt thù Hàm Tử đây.

Thái bình nên gắng sức,

Muôn thuở nước non này.

Bản dịch của Ngô Văn Phú:

Bến Chương Dương cướp giáo

Cửa Hàm Tử bắt thù

Đời thái bình gắng gỏi,

Đất nước mãi muôn thu.

- HS thực hiện nhiệm vụ ở lớp theo hình thức cá nhân vào vở ghi.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ quan điểm của mình, ghi lại những ý tưởng hay của bạn vào vở làm tư liệu.

- GV nhận xét quá trình thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ của HS, yêu cầu HS có thể hoàn thiện lại sau khi nghe các bạn chia sẻ, hoặc góp ý cho mình. GV lưu ý một bản dịch thơ thành công phải là bản dịch trước hết phải chuyển được càng nhiều ý của nguyên bản (phiên âm) càng tốt (nếu như không thể chuyển tải được tất cả), nhưng câu thơ dịch phải tự nhiên, không được gò ép, có hình thức nghệ thuật cao, đậm đặc chất thơ.

* Định hướng:

(1) Ý nghĩa của nội dung văn bản đối với cuộc sống hiện nay:

- Đất nước ta đang trong thời kì hòa bình, độc lập, xây dựng xã hội phồn vinh, hạnh phúc.

- Nhưng vấn đề về an ninh, quốc phòng, toàn vẹn lãnh thổ vẫn luôn thường trực.

- Việc xây dựng và bảo vệ đất nước là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi người chúng ta, đặc biệt là với thế hệ trẻ.

- Nội dung bài *Phò giá về kinh* của Trần Quang Khải là bài học cho mọi thế hệ người Việt về nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng đất nước. Muốn bảo vệ đất nước trước bất kì kẻ thù xâm lược nào, trên phương diện nào, thì đều phải xuất phát từ việc phải xây dựng một quốc gia hùng mạnh về kinh tế, quốc phòng, văn hóa, khoa học, giáo dục...

(2) HS viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hình thức: Đoạn văn đúng về hình thức, đảm bảo dung lượng.

- Nội dung: HS có thể lựa chọn một trong bốn bản dịch để trình bày nhưng đều cần giải thích tại sao lại chọn bản dịch đó mà không phải bản dịch khác.

<p>* HĐ5: Chia sẻ kinh nghiệm đọc hiểu văn bản thơ Đường luật chữ Hán</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm đọc hiểu một văn bản thơ Đường luật viết bằng chữ Hán. - HS độc lập chuẩn bị câu trả lời. - GV gọi một số HS chia sẻ những trải nghiệm và kinh nghiệm đọc hiểu văn bản của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. - GV nhận xét, tổng hợp ý kiến và lưu ý những kĩ năng cần chú ý khi đọc một văn bản thơ Đường luật viết bằng chữ Hán, đặc biệt là các bài viết của các tướng lĩnh trong giai đoạn đất nước lâm nguy. 	<p>III. Kinh nghiệm đọc hiểu thơ Đường luật chữ Hán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những yếu tố đặc trưng về hình thức và nội dung của thể thơ Đường luật. - Phát hiện các yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc để thể hiện nội dung tư tưởng. - Rèn luyện kĩ năng so sánh giữa bản phiên âm và bản dịch thơ. - Kết nối nội dung văn bản với bối cảnh đất nước hiện nay.
---	--

* Hướng dẫn chuẩn bị sau:

THDH Văn bản 2. “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*”

- Đọc trước đoạn trích ở nhà; tìm hiểu thêm thông tin về tác phẩm *Chinh phụ ngâm* và vị trí đoạn trích, cũng như vấn đề tác giả;

- Đọc lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* theo PHT sau:

<p>PHIẾU HỌC TẬP Tìm hiểu bài thơ “<i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i>”</p>	
Yêu cầu	Nội dung
1. Xác định cách gieo vần, nhịp điệu, giọng điệu của bài thơ và tác dụng của các yếu tố này?	
2. Nhận xét chung về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ?	
3. Xác định và phân tích tác dụng của một số BPTT: - BPTT so sánh: tìm dòng thơ chứa BPTT và nêu tác dụng?	

<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp trùng điệp, lặp từ nối câu trước với câu sau, kết hợp với từ láy: <i>tìm dòng thơ chứa BPTT, từ láy và nêu tác dụng?</i> - Phép đối: <i>tìm dòng thơ chứa hình ảnh đối và nêu tác dụng?</i> 	
<p>4. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình: Phân tích mối quan hệ giữa cảnh vật và tâm trạng của người chinh phụ từ dòng 9 đến dòng 20.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dòng 9 - 16: <i>Tìm hình ảnh miêu tả bức tranh phong cảnh thiên nhiên? Bức tranh thiên nhiên đó phản ánh tâm trạng gì của con người?</i> - Dòng 17-20: <i>cảnh thiên nhiên được miêu tả qua từ ngữ nào? Hình ảnh của thiên nhiên thể hiện tâm sự gì của người chinh phụ?</i> <p>=> Nhận xét chung về bút pháp tả cảnh ngụ tình.</p>	
<p>5. Nỗi lòng người chinh phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nỗi lòng người chinh phụ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp? Cho biết tác dụng của cách thể hiện này. - Theo em, những nguyên nhân nào khiến người chinh phụ bị có tâm trạng ấy? 	
<p>6. Tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về tác dụng của thể thơ trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng? - Cảm nhận về thái độ, tình cảm của người viết? 	

Ngày soạn: 29/8/2024	Dạy	Ngày	19/9/2024	25/9/2024
		Tiết	5	4
		Lớp	9D	9D

Tiết 8,9: Thực hành đọc hiểu
TÌNH CẢNH LỄ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ
(Trích Chinh phụ ngâm)
Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn
Bản diễn Nôm hiện hành: chưa rõ tác giả
(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được thể loại của văn bản “*Tình cảnh lễ loi của người chinh phụ*”.
- Nhận diện đôi nét về tác giả, tác phẩm của văn bản “*Tình cảnh lễ loi của người chinh phụ*”.
- Xác định và phân tích được các đặc điểm của văn bản: *Vần, nhịp, niêm, luật...*
- Xác định và phân tích được bố cục của văn bản.
- Nhận diện và phân tích được nội dung bao quát của văn bản
- Nhận diện và phân tích được tâm trạng cô đơn sầu muộn của người chinh phụ trong tình cảnh lễ loi khi chồng đi chinh chiến; thấy được tiếng nói tố cáo chiến tranh và đề cao hạnh phúc lứa đôi của tác phẩm.
- Viết bài văn phân tích được tâm trạng của nhân vật trữ tình.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện thái độ thương cảm với nỗi cô đơn, lễ loi của người chinh phụ, đồng thời oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.
- Biết thương xót, đồng cảm với nỗi đau khổ, bất hạnh của người phụ nữ và có thái độ chống lại các thế lực bạo tàn gây đau khổ cho họ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. *Mục tiêu:* Kết nối hiểu biết, cảm xúc của HS về tác phẩm nổi tiếng thời trung đại Việt Nam; đề tài người phụ nữ trong chế độ phong kiến.

b. *Nội dung:* GV sử dụng PPDH trực quan, kỹ thuật đặt câu hỏi để khai thác suy nghĩ, cảm xúc của HS.

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao NV

- GV nêu yêu cầu: nghe một đoạn diễn ngâm trong tác phẩm *Chinh phụ ngâm* (trích từ câu 209- 228) và trả lời câu hỏi: em có cảm nhận gì giọng điệu và tâm trạng của người chinh phụ qua khúc ngâm?

(đường link: <https://www.youtube.com/watch?v=acj-zcR6wBI>)

(cắt từ 42'52 giây- 46'19 giây, đây là phần ngâm 20 dòng trong SGK)

Bước 2: Thực hiện NV

- HS quan sát, lắng nghe video, đọc lập chuẩn bị trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV gọi 2-3 HS chia sẻ hiểu biết, suy nghĩ gợi ra từ video.

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV lắng nghe, động viên, chia sẻ và kết nối vào bài học.

(*Ví dụ: Đúng vậy, đoạn diễn ngâm các em vừa nghe thể hiện tâm trạng lo lắng, nhớ thương, muộn sầu của người chinh phụ có chồng đi lính ngoài chiến trường. Nỗi niềm đó được tái hiện hết sức tinh tế qua thể thơ song thất lục bát với một đoạn trích tiêu biểu “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”. Vậy, đoạn trích này có những nét đặc sắc gì về đặc điểm hình thức và nội dung tư tưởng, cô trò chúng ta sẽ cùng khám phá trong tiết thực hành đọc hiểu hôm nay!*)

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. *Mục tiêu:*

- HS phát hiện và phân tích được tác dụng được các đặc điểm của thể thơ song thất lục bát trong văn bản: bố cục, số tiếng, số dòng, vần, nhịp, sử dụng ngôn từ, sử dụng các thủ pháp nghệ thuật như: dùng từ láy, so sánh, phép đối, trùng điệp, đặc biệt là bút pháp tả cảnh ngụ tình...

- Hiểu được tâm trạng cô đơn, sầu muộn với những niềm tâm sự, nhớ mong, chờ đợi của người chinh phụ có chồng đi lính trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa giữa các tập đoàn

phong kiến. Từ đó hiểu được giá trị hiện thực và nhân đạo của đoạn trích, biết trân trọng cuộc sống ngày hôm nay.

- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng đọc hiểu bài thơ song thất lục bát.

b. **Nội dung:** GV sử dụng PPDH theo nhóm, kỹ thuật động não, thuyết trình, đặt câu hỏi, tổ chức cinema để hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động đọc hiểu văn bản.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
<p>I. Đọc và tìm hiểu chung</p> <p><i>*HĐ1: Kiểm tra việc tìm hiểu thông tin chung về tác giả, tác phẩm ở nhà của HS</i></p> <p>* Bước 1: Chuyển giao NV</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào phần <i>Kiến thức ngữ văn</i> và phần <i>Chuẩn bị</i> (đã thực hiện ở nhà) đọc lập chuẩn bị câu trả lời.: <p>(1) <i>Nhắc lại những kỹ năng đọc hiểu thơ song thất lục bát. Em đã vận dụng kỹ năng đó để đọc hiểu trích đoạn “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” như thế nào?</i></p> <p>(2) <i>Nêu những hiểu biết về tác giả chữ Hán, tác giả bản diễn Nôm.</i></p> <p>(3) <i>Cho biết hoàn cảnh sáng tác, đề tài và nội dung của tác phẩm “Chinh phụ ngâm”</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lập chuẩn bị câu trả lời. - GV gọi 2 - 3 HS trình bày, HS khác lắng nghe, đối chiếu với phần chuẩn bị của mình để nhận xét, bổ sung. - GV dựa trên phần HS trình bày để nhận xét, khuyến khích và mở rộng kiến thức về tác giả, tác phẩm. <p>+ Tác giả nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn với các tác phẩm tiêu biểu: <i>Chinh phụ ngâm</i>, <i>thơ và phú bằng chữ Hán</i>.</p>	<p>1. <i>Tác giả - tác phẩm “Chinh phụ ngâm”</i></p> <p>a. <i>Tác giả</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn (?) Sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII, quê ở Hà Nội. Danh sĩ nổi tiếng hiếu học và tài ba, tính tình phóng khoáng. - Tác giả bản diễn Nôm hiện hành: chưa rõ. <p>b. <i>Tác phẩm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh ra đời: vào những năm 40 của TK XVIII - chính sự rối ren, chiến tranh phong kiến diễn ra liên miên, người dân lâm vào cảnh tan tác, loạn li. - Đề tài: Người chinh phụ trong chiến tranh phong kiến. - Tóm tắt nội dung: (Tr21)

<p>+ Tác giả bản diễn Nôm: Từ trước đến nay đều cho rằng bản dịch là của Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748). Có hiệu là Hồng Hà nữ sĩ; quê ở Kinh Bắc (nay Hưng Yên); tư chất thông minh, tài sắc vẹn toàn; với những sáng tác: Truyện Truyền kỳ tân phả, dịch Chinh phụ ngâm. Nhưng một số nhà khoa học dựa trên tư liệu mới tìm được cho rằng đây “Chinh phụ ngâm” được Phan Huy Ích quê ở Nghệ An dịch.</p> <p>+ Tác phẩm “Chinh phụ ngâm” nguyên tác viết bằng chữ Hán, gồm 476 câu thơ. Được viết theo thể trường đoản cú (các câu dài ngắn không đều nhau).</p> <p>+ Bản dịch viết bằng chữ Nôm, gồm 408 câu, chuyển thành thể song thất lục bát. Nhan đề có ý nghĩa là khúc ngâm của người vợ có chồng ra trận) qua đó thể hiện tiếng nói oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa; khát vọng hạnh phúc lứa đôi.</p> <p>+ “Chinh phụ ngâm” là một trong những tác phẩm văn học thuộc loại hay nhất, nổi tiếng nhất của văn học nước nhà. Tác phẩm đã tạo nên bước ngoặt quan trọng trong lịch sử văn học. Phan Huy Chú ca ngợi “Lời và ý thì lâm li, tuấn nhã và kì dật rất khoái trá cho miệng người đọc” (Lịch triều hiến chương loại chí). Do vậy, nhiều người đã dịch tác phẩm ra chữ Nôm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày sản phẩm. - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	
<p>II. Tìm hiểu chung văn bản</p>	

<p><i>* HD2: Đọc văn bản và giải thích từ khó</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p> <p>(1) Em đọc diễn cảm văn bản này như thế nào?</p> <p>(2) Giải thích một số từ ngữ trong văn bản?</p> <p>(3) Đọc (hoặc ngâm) một đoạn trong văn bản mà em yêu thích nhất, nêu nội dung của đoạn thơ đó?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho 2 đến 3 HS thực hiện những nhiệm vụ trên; HS khác lắng nghe, ghi chép nhận xét. - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá câu trả lời, cách đọc của bạn. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày sản phẩm. - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng hợp ý kiến, khen ngợi và rút kinh nghiệm chung về cách chuẩn bị nội dung của thực hành đọc hiểu và cách đọc thơ song thất lục bát (đọc ngâm). 	<p><i>1. Đọc và giải thích từ khó</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn đọc: giọng điệu chung chậm rãi, buồn bã; chú ý ngắt nhịp theo thể thơ, một số dòng ngắt theo đúng dấu câu; nhấn giọng ở các từ láy và những từ thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình. - Giải nghĩa từ ngữ khó: <p>(1) <i>gốc liễu</i>: gốc cây liễu, cành mềm rủ xuống, lá hình ngọn giáo có răng cưa nhỏ, thường trồng làm cảnh ở ven hồ</p> <p>(2) <i>lá màn</i>: đồ dùng làm bằng vải dệt thưa đều, mắc trùm quanh giường để ngăn côn trùng.</p>
<p><i>* HD3: Tìm hiểu chung về văn bản</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm cặp để trả lời câu hỏi sau: <i>Xác định thể thơ, vị trí và nội dung bố cục của đoạn trích?</i> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p><i>2. Tìm hiểu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ: Song thất lục bát. - Vị trí: Nằm ở phần giữa tác phẩm (từ câu 209- 228) - Bố cục: hai phần + Phần 1 (8 dòng đầu): tâm trạng nhớ nhung, sầu muộn của người chinh phụ.

<p>- HS trao đổi, thống nhất các nội dung theo yêu cầu.</p> <p>- GV gọi đại diện 1 - 2 nhóm HS trình bày, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày sản phẩm.</p> <p>- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV nhận xét, chốt kiến thức và mở rộng KT phần tìm hiểu chung.</p> <p>+ Hoàn cảnh ra đời tác phẩm: đầu đời vua Lê Hiến Tông có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh kinh thành. Triều đình cất quân đánh dẹp. Đặng Trần Côn “cảm thời thế mà làm ra” bài thơ.</p> <p>+ Về đoạn trích: Từ dòng 208 đến dòng 228, kể lại sự việc: sau buổi tiễn đưa chồng ra trận với khi thế hào hùng, người chinh phụ trở về, tưởng tượng chiến trường đầy hiểm nguy, chết chóc mà xót xa, lo lắng, hối tiếc để chồng ra đi qua nghệ thuật diễn tả nội tâm, dòng ý thức, tiêu biểu là bút pháp tả cảnh ngụ tình.</p>	<p>+ Phần 2 (12 dòng còn lại): nỗi khát khao hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc sum họp gia đình của người chinh phụ.</p>
<p>II. Thực hành đọc hiểu</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại các nhiệm vụ đã phân công từ tiết học trước; sau đó hướng dẫn HS tổ chức buổi Semina với chủ đề:</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <p>THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ SONG THẤT LỤC BÁT QUA ĐOẠN TRÍCH <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i></p> </div>	

(GV hướng dẫn HS kê bàn ghế theo hình chữ U hoặc hình chữ nhật, chọn cử 1 HS làm người dẫn chương trình; HS còn lại sẽ trao đổi nhóm cặp chia sẻ những nội dung đã chuẩn bị theo PHT ở nhà để tham gia buổi Semina.)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV để bắt đầu cho buổi Semina.

- HS tiến hành buổi semina:

+ HS dẫn chương trình giới thiệu chung về bài thơ và tổ chức cho các thành viên trong lớp thảo luận về từng vấn đề/câu hỏi/yêu cầu trên PHT để tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*.

+ GV quan sát, trợ giúp, xử lý tình huống (nếu cần)

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày sản phẩm.

- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả

- GV tổng kết, nhận xét, khen ngợi, chốt kiến thức quan trọng, có thể chia sẻ hoặc bình giảng, liên hệ mở rộng về đoạn trích.

* Dự kiến sản phẩm

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu bài thơ “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*”

Yêu cầu	Nội dung
1. Xác định cách gieo vần, nhịp điệu, giọng	- Gieo vần đúng đặc trưng của thể song thất lục bát: một vần T và ba vần B.

<p>điệu của bài thơ và tác dụng của các yếu tố này?</p>	<p>- Nhịp điệu: cách ngắt nhịp chủ yếu là 3 /4, 2/2/2, 2/2/2/2 tạo ra nhịp điệu triền miên, kéo dài.</p> <p>- Giọng điệu buồn bã, nhớ mong.</p> <p>=> phù hợp với tả cảm xúc giống như những đợt sóng dạt dào trong tâm trạng, tình cảnh lẻ loi đơn chiếc không nguôi của người chinh phụ.</p>
<p>2. Nhận xét chung về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ?</p>	<p>Cách sử dụng từ ngữ vừa cổ kính, trang nghiêm, lại vừa giàu sức biểu cảm; hình ảnh vừa đẹp đẽ, sang trọng, lại vừa có nét buồn.</p>
<p>3. Xác định và phân tích tác dụng của một số BPTT:</p> <p>- BPTT so sánh: tìm dòng thơ chứa BPTT và nêu tác dụng?</p> <p>- Biện pháp trùng điệp, lặp từ nối câu trước với câu sau, kết hợp với từ láy: tìm dòng thơ chứa BPTT, từ láy và nêu tác dụng?</p> <p>- Phép đối: tìm dòng thơ chứa hình ảnh đối và nêu tác dụng?</p>	<p>* BPTT so sánh:</p> <p>- Dòng thơ có hình ảnh so sánh: "Nhớ chàng... bằng trời"; "Sương như búa"; "tuyết đường cưa"</p> <p>- Tác dụng: Khắc họa thế giới nội tâm đó là tâm trạng buồn bã, nhớ thương chồng day dứt, khôn nguôi, tạo cảm giác chia lìa tan tác và nỗi buồn hiu quạnh vào cả cảnh vật xung quanh.</p> <p>* Biện pháp trùng điệp, lặp từ nối câu trước với câu sau, kết hợp với từ láy:</p> <p>- Dòng thơ có hình ảnh trùng điệp, từ láy: non Yên, thăm thẳm, đau đau, thiết tha, hoa, nguyệt, trùng trùng</p> <p>- Tác dụng: Góp phần thể hiện rõ hơn tâm trạng biểu hiện nỗi nhớ, cô đơn, xót xa, cay đắng, hiu quạnh trong đêm khuya của người chinh phụ, tạo nhịp điệu triền miên, buồn bã của đoạn thơ.</p> <p>* Phép đối:</p> <p>- Tìm hình ảnh đối:</p> <p style="text-align: center;">"Sương như búa,/ bổ mòn góc liễu // Tuyết đường cưa,/ xé héo cành ngô". "Giọt sương phủ // bụi chim gù, Sâu tường kêu vắng // chuông chùa nện khơi" ...</p>

	<p>- Tác dụng: cảnh vật thiên nhiên như truyền, như ngấm cái lạnh lẽo vào tận tâm hồn người chinh phụ cô đơn.</p>
<p>4. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình:</p> <p>Phân tích mối quan hệ giữa cảnh vật và tâm trạng của người chinh phụ từ dòng 9 đến dòng 20.</p> <p>*Gợi ý:</p> <p>- Dòng 9 - 16: Tìm hình ảnh miêu tả bức tranh phong cảnh thiên nhiên? Bức tranh thiên nhiên đó phản ánh tâm trạng gì của con người?</p> <p>- Dòng 17-20: cảnh thiên nhiên được miêu tả qua từ ngữ nào? Hình ảnh của thiên nhiên thể hiện tâm sự gì của người chinh phụ?</p>	<p>* Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình từ dòng 9 đến dòng 20.</p> <p>- Dòng 9- 16:</p> <p>+ Bức tranh phong cảnh thiên nhiên tái hiện qua những hình ảnh “sương”, “bỏ mòn góc liễu”; “ tuyết” “xẻ héo cành ngô” “sương phủ”, “chim gù”, “sâu trường kêu vắng”, “chuông chùa nện”, “vài tiếng dế”, “một hàng tiêu”...</p> <p>→ Những hình ảnh thể hiện sự thê lương, âm đạm. Qua đó, bộc lộ tâm trạng lo lắng, day dứt của người chinh phụ.</p> <p>- Dòng 17-20:</p> <p>+ Phong cảnh thiên nhiên tiếp tục được tái hiện qua những hình ảnh: nguyệt, hoa “dãi”, “lông”, “thấm”, “trùng trùng”</p> <p>→ Hình ảnh thiên nhiên cảnh vật quán quít hữu tình bộc lộ niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi, sum họp gia đình.</p> <p>=> Thiên nhiên và con người có một mối tương quan mật thiết. Lòng người đau buồn thì cảnh vật thiên nhiên cũng sẽ nhuốm đượm nỗi xót xa và ngược lại cảnh vật thiên nhiên âm đạm cũng lột tả tâm trạng đau khổ của con người.</p>
<p>5. Nỗi lòng người chinh phụ</p> <p>- Nỗi lòng người chinh phụ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp? Cho biết tác dụng của cách thể hiện này.</p> <p>- Theo em, những nguyên nhân nào khiến người chinh phụ có tâm trạng ấy?</p>	<p>- Để thể hiện nỗi lòng của người chinh phụ, tác giả bản diễn Nôm đã để cho nhân vật trực tiếp than vãn về tình cảnh của mình.</p> <p>→ đem lại sắc thái thấm mĩ mới cho tác phẩm, nâng cao tính biểu cảm của lời thơ, từ đó tạo nên tính chân thực của cảm xúc.</p> <p>- Nguyên nhân nỗi cô đơn, buồn tủi của người chinh phụ:</p> <p>+ Khát vọng hạnh phúc lứa đôi, mong ngày người chồng trở về để được sum họp nhưng thời gian đã trôi qua quá lâu, tuổi trẻ, hạnh phúc đang ngày càng xa vời.</p> <p>+ Những cuộc chiến tranh phong kiến phi nghĩa đã gây nên cảnh chết chóc, bi thương, chia lìa lứa đôi, tàn phá hạnh phúc gia đình.</p>

<p>6. Tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về tác dụng của thể thơ trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng? - Cảm nhận về thái độ, tình cảm và những thông điệp của người viết trong đoạn trích. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ song thất lục bát với vần, nhịp, âm điệu triền miên; hình thức đối cũng như các biện pháp tu từ phù hợp với việc diễn tả sâu sắc tâm trạng buồn thương, cô đơn, nhớ nhung của người chinh phụ. Qua đó, thể hiện sâu sắc giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực của đoạn trích. - Tác giả thể hiện sự đồng cảm với những khát vọng chân chính về hạnh phúc lứa đôi, sum họp gia đình; đồng thời lên án bộ máy cai trị lúc bấy giờ đã không quan tâm đến quyền sống của con người. Từ đó, đoạn trích mang đến thông điệp yêu thương, chia sẻ với người phụ nữ; trân trọng, gìn giữ hạnh phúc thường ngày.
<p><i>GV có thể khắc sâu, mở rộng theo từng nội dung, ví dụ:</i></p> <p><i>* Câu hỏi (4)</i></p> <p><i>Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của đoạn trích được khái quát trong câu lục bát: “Cảnh buồn, người thiết tha lòng/Cành cây sương đượ, tiếng trùng mưa phun” (sau này đã được Nguyễn Du nâng lên thành một triết lý nghệ thuật điển hình, tiêu biểu cho bút pháp tả cảnh ngụ tình: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”). Điều đó được thể hiện rõ nét trong ba khổ thơ cuối đoạn trích từ dòng 9 đến dòng 20 của Chinh phụ ngâm. Tác giả bản diễn Nôm đã sử dụng thành công bút pháp tả cảnh ngụ tình.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>+ Thiên nhiên được miêu tả thê lương, ảm đạm phản ánh tâm trạng đầy lo lắng, day dứt của người chinh phụ. Giữa thiên nhiên và con người có một mối tương quan mật thiết. Lòng người mà đau buồn thì cảnh vật thiên nhiên cũng sẽ nhuốm đượm nỗi xót xa, đau khổ của con người.</i> <i>+ Ở khổ thơ cuối: cảnh thiên nhiên nguyệt, hoa quắn quít hữu tình phản ánh tâm trạng khao khát hạnh phúc lứa đôi, sum họp gia đình của người chinh phụ. Tuy nhiên đó chỉ là sự mơ mộng mang tính bi kịch trong hoàn cảnh vô vọng của người chinh phụ.</i> <p><i>=> Như vậy, 8 dòng thơ đầu thể hiện tâm trạng của người chinh phụ: chông chênh, chơi vơi, khiến cho cuộc sống trở nên khổ sở, bất an. Mong chờ chồng trong nỗi sợ hãi và tuyệt vọng, nàng chỉ còn biết gửi nhớ thương theo ngọn gió khi ở không gian xa cách. Đất trời thì bao la, bát ngát, nỗi niềm không biết ngỏ cùng ai? Bởi vậy nên nó càng kết tụ, càng cuộn xoáy, gây nên nỗi đau đớn khôn nguôi. Con người và cảnh vật dường như có sự tương đồng khiến cho nỗi sầu thương trở nên da diết, bất tận.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>+ 12 dòng thơ tiếp theo, tác giả sử dụng bút pháp nghệ thuật điêu luyện đã diễn tả được những diễn biến cung bậc tình cảm đau buồn của người chinh phụ đang sống trong tình cảnh lẻ loi, tác giả có chủ ý đề cao hạnh phúc lứa đôi và thể hiện thái độ bất bình, phản kháng đối với chiến tranh phi nghĩa, đòi quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc rất chính đáng của con người.</i> 	

** Câu hỏi (5)*

- Việc để cho nhân vật trực tiếp than vãn về cuộc sống của mình đã đem lại sắc thái thâm mĩ mới cho tác phẩm, nâng cao tính biểu cảm của lời thơ, từ đó tạo nên tính chân thực của cảm xúc. Đây là một bước tiến mới trong nghệ thuật miêu tả tâm lý, nội tâm nhân vật trong văn học trung đại Việt Nam mà trước đó chưa có.

- Những lời than vãn của người chinh phụ cho thấy: chính khát vọng hạnh phúc lứa đôi, mong ngày người chồng trở về từ nơi chiến địa ác liệt, gia đình được sum họp là nguyên nhân nổi cô đơn, buồn tủi của người chinh phụ khi thời gian trôi qua và tuổi trẻ, hạnh phúc đang ngày càng xa vời. Nguyên nhân bao trùm hơn là những cuộc chiến tranh phong kiến phi nghĩa đã gây lên cảnh chết chóc, bi thương, chia lìa lứa đôi, tàn phá hạnh phúc gia đình.

** Câu hỏi (6)*

Sự phù hợp khi tác giả chọn thể ngâm khúc song thất lục bát trong việc thể hiện nội dung: với câu song thất có nhiệm vụ chính là kể việc, diễn tả sự việc, hiện tượng kết hợp với câu lục bát có nhiệm vụ chủ yếu là giải bày tâm tình, thể hiện tình cảm đã tạo nên những dòng thơ thiên về cảm xúc, tạo nên dòng chảy tâm trạng, diễn tả một cách tinh tế, sâu sắc thế giới nội tâm của nhân vật.

- Nội dung của đoạn trích đã thể hiện tâm trạng cô đơn, sầu muộn với những niềm tâm sự, nhớ mong, chờ đợi của người chinh phụ có chồng đi lính trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa giữa các tập đoàn phong kiến.

=> Thể thơ thiên về cảm xúc, tạo nên dòng chảy tâm trạng, diễn tả một cách tinh tế, sâu sắc thế giới nội tâm của nhân vật. Âm điệu triền miên, sự kết hợp giữa vần, nhịp cho thấy việc lựa là hết sức phù hợp với đề tài về người chinh phụ trong đoạn trích và trong cả tác phẩm Chinh phụ ngâm.

III. Chia sẻ kinh nghiệm đọc hiểu thể thơ song thất lục bát

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Từ việc tìm hiểu văn bản, hãy rút ra chiến lược đọc ngâm khúc, thể loại thơ song thất lục bát?

Bước 2: Thực hiện NV

- HS trao đổi nhóm cặp trong 2 phút.
- GV gọi 2-3 đại diện nhóm trả lời; nhóm HS lắng nghe, bổ sung.

- Bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát?

- Xác định chủ đề, bố cục của bài thơ và mối quan hệ giữa các câu thơ trong bài.

- Tìm hiểu tác dụng một số đặc điểm của thể thơ như: cách gieo vần, ngắt nhịp, giọng điệu buồn bã, cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, một số biện pháp tu từ tiêu biểu bút pháp tả cảnh ngụ tình... trong việc thể hiện nội dung chủ đề của bài thơ.

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày sản phẩm. - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng hợp ý kiến, chốt ra các kĩ năng đọc hiểu <i>thể loại thơ song thất lục bát</i>. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được giá trị tư tưởng, thông điệp của văn bản. Từ đó, liên hệ với bản thân và cuộc sống xung quanh.
--	--

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. *Mục tiêu*: HS chia sẻ suy nghĩ, mở rộng khám phá tác phẩm “Chinh phụ ngâm” tìm hiểu những văn bản ngoài SGK để hiểu số phận của người phụ nữ trong những cuộc chiến tranh phi nghĩa và trong chế độ phong kiến.

b. *Nội dung*: GV sử dụng PPDH nêu và giải quyết vấn đề để hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.

c. *Sản phẩm*: Chia sẻ, suy nghĩ, ghi chép của HS

d. *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

(1) Từ những hiểu biết về tác phẩm “Chinh phụ ngâm” và đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”, em suy nghĩ như thế nào về số phận những người phụ nữ trong cuộc chiến tranh phi nghĩa?

(2) Tìm đọc thêm đoạn trích khác trong tác phẩm “Chinh phụ ngâm” cũng như các tác phẩm viết về số phận của người phụ nữ trong chế độ phong kiến (văn bản ngoài SGK).

Bước 2: Thực hiện NV

- HS nghe hướng dẫn, độc lập thực hiện yêu cầu
- GV tổ chức cho HS chia sẻ những ghi chép trong sổ tay giữa các nhóm.
- GV đánh giá, động viên, khuyến khích HS; yêu cầu HS chuẩn bị phần *Viết*

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày sản phẩm.
- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả*** Dự kiến sản phẩm**

(1) - Chiến tranh phi nghĩa, nội chiến tranh giành quyền lợi giữa các tập đoàn phong kiến, giữa triều đình và các cuộc nổi loạn ở các vùng miền đem lại chết chóc, chia li. Người chồng ra trận không có ngày về. Người vợ ở nhà chờ mong vô vọng, tuổi trẻ, sức lực, tình yêu đều trôi qua theo thời gian.

- Trong chiến tranh phi nghĩa, số phận người chinh phụ là bất hạnh, khổ đau cả về tinh thần và vật chất.

- *Chinh phụ ngâm* và đoạn trích là tác phẩm tố cáo chiến tranh phi nghĩa, cảm thông cho số phận của người chinh phụ. Người chinh phụ luôn mỏi mòn trong sự chờ đợi và tiếc nuối tuổi xuân đang mất đi từng ngày.

(2) HS chia nhóm để tìm đọc thêm đoạn trích trong tác phẩm “Chinh phụ ngâm”; các tác phẩm và ghi chép những điều ấn tượng vào Sổ tay văn học.

***Hướng dẫn chuẩn bị bài sau: Thực hành Tiếng Việt**

- Tìm hiểu về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ trong phần Kiến thức Ngữ văn.
- Liệt kê một số các tác phẩm tiêu biểu được viết bằng chữ Nôm.